TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024_2025 (Chính thức)

Đơn vị đảm nhận : Bộ môn Giáo dục Thể chất, Quốc phòng An ninh

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_01_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	30/12-12/01/25	2	6,7,8,9,10	A2.101												CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	A2.101										CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.101								CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng									6,7,8,9,10	A2.101						CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	A2.101				CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	A2.101		CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng	13/01-19/01/25	1	6,7,8,9,10	A2.101												CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	A2.101										CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.101								CDCQ 50
2	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_02_TH	50	0	TH	Lê Anh Thơ	30/12-12/01/25	2	6,7,8,9,10	A2.106												CDCQ 50
							Lê Anh Thơ					6,7,8,9,10	A2.106										CDCQ 50
							Lê Anh Thơ							6,7,8,9,10	A2.106								CDCQ 50
							Lê Anh Thơ									6,7,8,9,10	A2.106						CDCQ 50
							Lê Anh Thơ											6,7,8,9,10	A2.106				CDCQ 50
							Lê Anh Thơ													6,7,8,9,10	A2.106		CDCQ 50
							Lê Anh Thơ	13/01-19/01/25	1	6,7,8,9,10	A2.106												CDCQ 50
							Lê Anh Thơ					6,7,8,9,10	A2.106										CDCQ 50
							Lê Anh Thơ							6,7,8,9,10	A2.106								CDCQ 50
							Hoàng Công Minh			6,7,8,9,10	A2.107												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_03_TH	50	0	TH	Hoàng Công Minh	30/12-12/01/25	2			6,7,8,9,10	A2.107										CDCQ 50
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.107								CDCQ 50
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.107						CDCQ 50
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.107				CDCQ 50
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	A2.107		CDCQ 50
							Hoàng Công Minh	13/01-19/01/25	1	6,7,8,9,10	A2.107												CDCQ 50
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.107										CDCQ 50
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.107								CDCQ 50
4	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_04_TH	50	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	30/12-12/01/25	2	6,7,8,9,10	A2.312												CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.312										CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.312								CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn									6,7,8,9,10	A2.312						CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn											6,7,8,9,10	A2.312				CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn													6,7,8,9,10	A2.312		CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn	13/01-19/01/25	1	6,7,8,9,10	A2.312												CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.312										CDCQ 50
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.312								CDCQ 50
5	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_05_TH	50	0	TH	Nguyễn XuânTrường	30/12-12/01/25	2	6,7,8,9,10	A2.104												CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường					6,7,8,9,10	A2.104										CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường							6,7,8,9,10	A2.104								CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường									6,7,8,9,10	A2.104						CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường											6,7,8,9,10	A2.104				CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn XuânTrường														6,7,8,9,10	A2.104		CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường	13/01-19/01/25	1	6,7,8,9,10	A2.104												CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường					6,7,8,9,10	A2.104										CDCQ 50
							Nguyễn XuânTrường							6,7,8,9,10	A2.104								CDCQ 50
6	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_06_TH	50	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	30/12-12/01/25	2	1,2,3,4,5	A2.101												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.101										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.101								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	A2.101						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	A2.101				CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	A2.101		CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện	13/01-19/01/25	1	1,2,3,4,5	A2.101												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.101										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.101								CDCQ 50
7	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_07_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	30/12-12/01/25	2	1,2,3,4,5	A2.106												CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.106										CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.106								CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.106						CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.106				CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.106		CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng	13/01-19/01/25	1	1,2,3,4,5	A2.106												CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.106										CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.106								CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_08_TH	50	0	TH	Phan Văn Thám	30/12-12/01/25	2	1,2,3,4,5	A2.107												CDCQ 50
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	A2.107										CDCQ 50
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.107								CDCQ 50
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	A2.107						CDCQ 50
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	A2.107				CDCQ 50
							Phan Văn Thám													1,2,3,4,5	A2.107		CDCQ 50
							Phan Văn Thám	13/01-19/01/25	1	1,2,3,4,5	A2.107												CDCQ 50
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	A2.107										CDCQ 50
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.107								CDCQ 50
9	4TQ001DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_09_TH	50	0	TH	Hoàng Công Minh	30/12-12/01/25	2	1,2,3,4,5	A2.312												CDCQ 50
							Hoàng Công Minh					1,2,3,4,5	A2.312										CDCQ 50
							Hoàng Công Minh							1,2,3,4,5	A2.312								CDCQ 50
							Hoàng Công Minh									1,2,3,4,5	A2.312						CDCQ 50
							Hoàng Công Minh											1,2,3,4,5	A2.312				CDCQ 50
							Hoàng Công Minh													1,2,3,4,5	A2.312		CDCQ 50
							Hoàng Công Minh	13/01-19/01/25	1	1,2,3,4,5	A2.312												CDCQ 50
							Hoàng Công Minh					1,2,3,4,5	A2.312										CDCQ 50
							Hoàng Công Minh							1,2,3,4,5	A2.312								CDCQ 50
							Lê Anh Thơ	30/12-12/01/25	2	1,2,3,4,5	A2.104												CDCQ 50
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	A2.104										CDCQ 50
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.104								CDCQ 50
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	A2.104						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224)_10_TH	50	0	TH	Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	A2.104				CDCQ 50
							Lê Anh Thơ													1,2,3,4,5	A2.104		CDCQ 50
							Lê Anh Thơ			1,2,3,4,5	A2.104												CDCQ 50
							Lê Anh Thơ	13/01-19/01/25	1			1,2,3,4,5	A2.104										CDCQ 50
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.104								CDCQ 50
1	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(224)_01_TH	50	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	19/05-25/05/25	1	1,2,3,4,5	A2.105												DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.105										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.105								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	A2.105						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	A2.105				DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện	26/05-01/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.105												DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.105										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.105								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	A2.105						DHCQ 18
2	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(224)_02_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	19/05-25/05/25	1	1,2,3,4,5	A2.103												DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.103										DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.103								DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.103						DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.103				DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng	26/05-01/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.103												DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.103										DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.103								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.103						DHCQ 18
3	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(224)_03_TH	50	0	TH	Nguyễn XuânTrường	19/05-25/05/25	1	1,2,3,4,5	A2.108												DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường					1,2,3,4,5	A2.108										DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường							1,2,3,4,5	A2.108								DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường									1,2,3,4,5	A2.108						DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường											1,2,3,4,5	A2.108				DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường	26/05-01/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.108												DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường					1,2,3,4,5	A2.108										DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường							1,2,3,4,5	A2.108								DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường									1,2,3,4,5	A2.108						DHCQ 18
4	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(224)_04_TH	50	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	19/05-25/05/25	1	6,7,8,9,10	A2.103												DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.103										DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.103								DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn									6,7,8,9,10	A2.103						DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn											6,7,8,9,10	A2.103				DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn	26/05-01/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.103												DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.103										DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.103								DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn									6,7,8,9,10	A2.103						DHCQ 18
							Phan Văn Thám	19/05-25/05/25	1	6,7,8,9,10	A2.105												DHCQ 18
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	A2.105										DHCQ 18
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	A2.105								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(224)_05_TH	50	0	TH	Phan Văn Thám									6,7,8,9,10	A2.105						DHCQ 18
							Phan Văn Thám											6,7,8,9,10	A2.105				DHCQ 18
							Phan Văn Thám	26/05-01/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.105												DHCQ 18
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	A2.105										DHCQ 18
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	A2.105								DHCQ 18
							Phan Văn Thám									6,7,8,9,10	A2.105						DHCQ 18
6	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(224)_06_TH	50	0	TH	Hoàng Công Minh	19/05-25/05/25	1	6,7,8,9,10	A2.108												DHCQ 18
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.108										DHCQ 18
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.108								DHCQ 18
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.108						DHCQ 18
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.108				DHCQ 18
							Hoàng Công Minh	26/05-01/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.108												DHCQ 18
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.108										DHCQ 18
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.108								DHCQ 18
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.108						DHCQ 18
7	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(224)_01_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.108												DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.108										DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.108								DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.108						DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.108				DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.108		DHCQ 18
							Phan Văn Thám			1,2,3,4,5	A2.105												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(224)_02_TH	50	0	TH	Phan Văn Thám	02/06-08/06/25	1			1,2,3,4,5	A2.105										DHCQ 18
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.105								DHCQ 18
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	A2.105						DHCQ 18
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	A2.105				DHCQ 18
							Phan Văn Thám													1,2,3,4,5	A2.105		DHCQ 18
9	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(224)_03_TH	50	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.103												DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn					1,2,3,4,5	A2.103										DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn							1,2,3,4,5	A2.103								DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn									1,2,3,4,5	A2.103						DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn											1,2,3,4,5	A2.103				DHCQ 18
							Nguyễn Đình Tuấn													1,2,3,4,5	A2.103		DHCQ 18
10	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(224)_04_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	02/06-08/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.108												DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	A2.108										DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.108								DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng									6,7,8,9,10	A2.108						DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	A2.108				DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	A2.108		DHCQ 18
11	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(224)_05_TH	50	0	TH	Lê Anh Thơ	02/06-08/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.103												DHCQ 18
							Lê Anh Thơ					6,7,8,9,10	A2.103										DHCQ 18
							Lê Anh Thơ							6,7,8,9,10	A2.103								DHCQ 18
							Lê Anh Thơ									6,7,8,9,10	A2.103						DHCQ 18
							Lê Anh Thơ											6,7,8,9,10	A2.103				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Anh Thơ														6,7,8,9,10	A2.103		DHCQ18
12	2TQ002DC	2	Giáo dục QP-AN 2(224)_06_TH	50	0	TH	Hoàng Công Minh	02/06-08/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.105												DHCQ18
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.105										DHCQ18
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.105								DHCQ18
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.105						DHCQ18
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.105				DHCQ18
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	A2.105		DHCQ18
13	3TQ203DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(224)_01_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	09/06-15/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.105												DHCQ18
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.105										DHCQ18
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.105								DHCQ18
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.105						DHCQ18
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.105				DHCQ18
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.105		DHCQ18
14	3TQ203DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(224)_02_TH	50	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	09/06-15/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.103												DHCQ18
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.103										DHCQ18
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.103								DHCQ18
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	A2.103						DHCQ18
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	A2.103				DHCQ18
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	A2.103		DHCQ18
15	3TQ203	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân	50	0	TH	Nguyễn XuânTrường	09/06-15/06/25	1	1,2,3,4,5	A2.108												DHCQ18
							Nguyễn XuânTrường					1,2,3,4,5	A2.108										DHCQ18
							Nguyễn XuânTrường							1,2,3,4,5	A2.108								DHCQ18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	DC	1	sự chung)(224)_03_TH	50	0	TH	Nguyễn XuânTrường	09/06-15/06/25	1							1,2,3,4,5	A2.108						DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường											1,2,3,4,5	A2.108				DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường													1,2,3,4,5	A2.108		DHCQ 18
16	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(224)_04_TH	50	0	TH	Hoàng Công Minh	09/06-15/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.105												DHCQ 18
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.105										DHCQ 18
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.105								DHCQ 18
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.105						DHCQ 18
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.105				DHCQ 18
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	A2.105		DHCQ 18
17	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(224)_05_TH	50	0	TH	Lê Anh Thơ	09/06-15/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.103												DHCQ 18
							Lê Anh Thơ					6,7,8,9,10	A2.103										DHCQ 18
							Lê Anh Thơ							6,7,8,9,10	A2.103								DHCQ 18
							Lê Anh Thơ									6,7,8,9,10	A2.103						DHCQ 18
							Lê Anh Thơ											6,7,8,9,10	A2.103				DHCQ 18
							Lê Anh Thơ													6,7,8,9,10	A2.103		DHCQ 18
18	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(224)_06_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	09/06-15/06/25	1	6,7,8,9,10	A2.108												DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	A2.108										DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.108								DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng									6,7,8,9,10	A2.108						DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	A2.108				DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	A2.108		DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện			1,2,3,4,5	SVĐ.7												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(224)_01_TH	50	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	16/06-29/06/25	2			1,2,3,4,5	SVĐ.7										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	SVĐ.7								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	SVĐ.7						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	SVĐ.7				DHCQ 18
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	SVĐ.7		DHCQ 18
20	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(224)_02_TH	50	0	TH	Phan Văn Thám	16/06-29/06/25	2	1,2,3,4,5	SVD6												DHCQ 18
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	SVD6										DHCQ 18
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	SVD6								DHCQ 18
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	SVD6						DHCQ 18
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	SVD6				DHCQ 18
							Phan Văn Thám													1,2,3,4,5	SVD6		DHCQ 18
21	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(224)_03_TH	50	0	TH	Nguyễn XuânTrường	16/06-29/06/25	2	1,2,3,4,5	SVĐ1												DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường					1,2,3,4,5	SVĐ1										DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường							1,2,3,4,5	SVĐ1								DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường									1,2,3,4,5	SVĐ1						DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường											1,2,3,4,5	SVĐ1				DHCQ 18
							Nguyễn XuânTrường													1,2,3,4,5	SVĐ1		DHCQ 18
22	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(224)_04_TH	50	0	TH	Nguyễn Công Thắng	16/06-29/06/25	2	6,7,8,9,10	SVD6												DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	SVD6										DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	SVD6								DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng									6,7,8,9,10	SVD6						DHCQ 18
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	SVD6				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	SVD6		DHCQ18
23	3TQ204DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(224)_05_TH	50	0	TH	Lê Anh Thơ	16/06-29/06/25	2	6,7,8,9,10	SVĐ.7												DHCQ18
							Lê Anh Thơ					6,7,8,9,10	SVĐ.7										DHCQ18
							Lê Anh Thơ							6,7,8,9,10	SVĐ.7								DHCQ18
							Lê Anh Thơ									6,7,8,9,10	SVĐ.7						DHCQ18
							Lê Anh Thơ											6,7,8,9,10	SVĐ.7				DHCQ18
							Lê Anh Thơ													6,7,8,9,10	SVĐ.7		DHCQ18
24	3TQ204DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(224)_06_TH	50	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	16/06-29/06/25	2	6,7,8,9,10	SVĐ1												DHCQ18
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	SVĐ1										DHCQ18
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	SVĐ1								DHCQ18
							Nguyễn Đình Tuấn									6,7,8,9,10	SVĐ1						DHCQ18
							Nguyễn Đình Tuấn											6,7,8,9,10	SVĐ1				DHCQ18
							Nguyễn Đình Tuấn													6,7,8,9,10	SVĐ1		DHCQ18
25	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_01_TH	48	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	10/02-17/05/25	15					1,2								Ghép: DHCDTCK19A1 + DHKTMCK19A1 + DHKTNCK19A1	DHCQ19
26	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_02_TH	65	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	10/02-17/05/25	15					3,4								DHCTMCK19A1	DHCQ19
27	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_03_TH	54	0	TH	Phan Văn Thám	10/02-17/05/25	15			1,2										DHCTTCK19A1	DHCQ19
28	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_04_TH	66	0	TH	Hoàng Công Minh	10/02-17/05/25	15					3,4								DHDDTCK19A1	DHCQ19
29	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_05_TH	64	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	10/02-17/05/25	15			7,8										DHDDTCK19A3	DHCQ19
30	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_06_TH	66	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	10/02-17/05/25	15			9,10										DHKCKCK19A1	DHCQ19
31	4TQ012DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_07_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	10/02-17/05/25	15			1,2										DHOTOCK19A2	DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_08_TH	60	0	TH	Phan Văn Thám	10/02-17/05/25	15			3,4										DHOTOCK19A3	DHCQ19
33	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_09_TH	60	0	TH	Nguyễn XuânTrường	10/02-17/05/25	15							7,8						DHOTOCK19A5	DHCQ19
34	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_10_TH	60	0	TH	Nguyễn XuânTrường	10/02-17/05/25	15							9,10						DHOTOCK19A6	DHCQ19
35	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_11_TH	51	0	TH	Nguyễn XuânTrường	10/02-17/05/25	15					9,10								DHTDHCK19A2	DHCQ19
36	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_12_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	10/02-17/05/25	15			3,4										DHTDHCK19A3	DHCQ19
37	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(224)_13_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	10/02-17/05/25	15			3,4										DHTDHCK19A4	DHCQ19
38	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_01_TH	63	0	TH	Hoàng Công Minh	10/02-17/05/25	15					1,2								Ghép: DHCDTCK19A1 + DHQTKCK19A1 + DHSPNCK19A1 + DHTMDCK19A1	DHCQ19
39	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_02_TH	66	0	TH	Phan Văn Thám	10/02-17/05/25	15			7,8										DHCTMCK19A2	DHCQ19
40	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_03_TH	54	0	TH	Hoàng Công Minh	10/02-17/05/25	15							9,10						DHCTTCK19A2	DHCQ19
41	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_04_TH	65	0	TH	Phan Văn Thám	10/02-17/05/25	15			9,10										DHDDTCK19A2	DHCQ19
42	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_05_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	10/02-17/05/25	15			3,4										DHOTOCK19A1	DHCQ19
43	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_06_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	10/02-17/05/25	15							9,10						DHOTOCK19A4	DHCQ19
44	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)(224)_07_TH	52	0	TH	Nguyễn XuânTrường	10/02-17/05/25	15					7,8								DHTDHCK19A1	DHCQ19

Đơn vị đảm nhận : Khoa Cơ khí Chế tạo

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3CK104CD	2	Cơ học ứng dụng(224)_01	50	0	LT	Lương Văn Chiến	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.102											CDOTOCK50A1	CDCQ50
2	3CK104CD	2	Cơ học ứng dụng(224)_02	45	0	LT	Lương Văn Chiến	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.203					CDOTOCK50A2	CDCQ50
3	3CK104CD	2	Cơ học ứng dụng(224)_03	50	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	10/02-25/05/25	15			3,4	A2.309									CDCTMCK50A1	CDCQ50
4	3CK104CD	2	Cơ học ứng dụng(224)_04	42	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	10/02-25/05/25	15			1,2	A2.302									CDHANCK50A1	CDCQ50
5	3CK104CD	2	Cơ học ứng dụng(224)_05	50	0	LT	Lương Văn Chiến	10/02-25/05/25	15							3,4	A2.401					CDKCKCK50A1	CDCQ50
6	3CK103CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_01	50	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15							6,7	A2.412					CDOTOCK50A1	CDCQ50
7	3CK103CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_02	45	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.304											CDOTOCK50A2	CDCQ50
8	3CK103CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_03	50	0	LT	Lưu Thuỷ Chung	10/02-25/05/25	15			1,2	A2.309									CDCTMCK50A1	CDCQ50
9	3CK103CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_04	42	0	LT	Lưu Thuỷ Chung	10/02-25/05/25	15			3,4	A2.302									CDHANCK50A1	CDCQ50
10	3CK103CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_05	50	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.401					CDKCKCK50A1	CDCQ50
11	3CK253CD	2	Gò và hàn(224)_01_TH	25	0	TH	Cao Xuân Lại	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL4											CDMDKCK50A1	CDCQ50
							Cao Xuân Lại					1,2,3,4	X.HAN - GCAL4										CDCQ50
							Cao Xuân Lại							1,2,3,4	X.HAN - GCAL4								CDCQ50
							Cao Xuân Lại									1,2,3,4	X.HAN - GCAL4						CDCQ50
							Cao Xuân Lại											1,2,3,4	X.HAN - GCAL4				CDCQ50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
12	3CK229 CD	4	Hàn điện hồ quang tay cơ bản(224)_01_TH	20	0	TH	Kiều Anh Dũng	10/02-22/03/25	6	6,7,8,9	X.HAN - GCAL5											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng					6,7,8,9	X.HAN - GCAL5										CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng							6,7,8,9	X.HAN - GCAL5								CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng									6,7,8,9	X.HAN - GCAL5						CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng											6,7,8,9	X.HAN - GCAL5				CDCQ 50
13	3CK229 CD	4	Hàn điện hồ quang tay cơ bản(224)_02_TH	20	0	TH	Phạm Thanh Phú	10/02-22/03/25	6	6,7,8,9	X.HAN - GCAL4											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú					6,7,8,9	X.HAN - GCAL4										CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú							6,7,8,9	X.HAN - GCAL4								CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú									6,7,8,9	X.HAN - GCAL4						CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú											6,7,8,9	X.HAN - GCAL4				CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn			6,7,8,9	X.HAN - GCAL5												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	3CK230CD	2	Hàn MAG cơ bản(224)_01_TH	20	0	TH	Ngô Ngọc Sơn	24/03-12/04/25	3			6,7,8,9	X.HAN - GCAL5									CDHANCK50A1	CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn							6,7,8,9	X.HAN - GCAL5								CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn									6,7,8,9	X.HAN - GCAL5						CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn											6,7,8,9	X.HAN - GCAL5				CDCQ 50
15	3CK230CD	2	Hàn MAG cơ bản(224)_02_TH	20	0	TH	Cao Xuân Lại	24/03-12/04/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL4											CDHANCK50A1	CDCQ 50
							Cao Xuân Lại					6,7,8,9	X.HAN - GCAL4										CDCQ 50
							Cao Xuân Lại							6,7,8,9	X.HAN - GCAL4								CDCQ 50
							Cao Xuân Lại									6,7,8,9	X.HAN - GCAL4						CDCQ 50
							Cao Xuân Lại											6,7,8,9	X.HAN - GCAL4				CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú			6,7,8,9	X.HAN - GCAL5												CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú					6,7,8,9	X.HAN - GCAL5										CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3CK231 CD	2	Hàn TIG Cơ bản(224)_01_TH	20	0	TH	Phạm Thanh Phú	14/04-03/05/25	3					6,7,8,9	X.HAN - GCAL5							CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú									6,7,8,9	X.HAN - GCAL5						CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú											6,7,8,9	X.HAN - GCAL5				CDCQ 50
17	3CK231 CD	2	Hàn TIG Cơ bản(224)_02_TH	20	0	TH	Cao Xuân Lại	14/04-03/05/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL4											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Cao Xuân Lại					6,7,8,9	X.HAN - GCAL4										CDCQ 50
							Cao Xuân Lại							6,7,8,9	X.HAN - GCAL4								CDCQ 50
							Cao Xuân Lại									6,7,8,9	X.HAN - GCAL4						CDCQ 50
							Cao Xuân Lại											6,7,8,9	X.HAN - GCAL4				CDCQ 50
18	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng mối hàn(224)_01_TH	20	0	TH	Ngô Ngọc Sơn	26/05-14/06/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL5											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn					6,7,8,9	X.HAN - GCAL5										CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn							6,7,8,9	X.HAN - GCAL5								CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Ngọc Sơn										6,7,8,9	X.HAN - GCAL5						CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn												6,7,8,9	X.HAN - GCAL5				CDCQ 50
19	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng mối hàn(224)_02_TH	20	0	TH	Phạm Thanh Phú	26/05-14/06/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL4											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú					6,7,8,9	X.HAN - GCAL4											CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú							6,7,8,9	X.HAN - GCAL4									CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú									6,7,8,9	X.HAN - GCAL4							CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú											6,7,8,9	X.HAN - GCAL4					CDCQ 50
20	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(224)_07_TH	18	0	TH	Ngô Xuân Sơn	26/05-14/06/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn					6,7,8,9	X.PHA Y1											CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn							6,7,8,9	X.PHA Y1									CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn									6,7,8,9	X.PHA Y1							CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn											6,7,8,9	X.PHA Y1					CDCQ 50
21	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(224)_08_TH	18	0	TH	Ngô Xuân Sơn	24/03-12/04/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y3											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn					6,7,8,9	X.PHA Y3											CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn							6,7,8,9	X.PHA Y3									CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Xuân Sơn											6,7,8,9	X.PHA Y3					CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn													6,7,8,9	X.PHA Y3			CDCQ 50
22	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(224)_09_TH	18	0	TH	Ngô Xuân Sơn	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y3											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn					6,7,8,9	X.PHA Y3										CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn							6,7,8,9	X.PHA Y3								CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn									6,7,8,9	X.PHA Y3						CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn											6,7,8,9	X.PHA Y3				CDCQ 50
23	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(224)_03_TH	18	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	24/03-20/04/25	4	6,7,8,9	X.PHA Y1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh					6,7,8,9	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh							6,7,8,9	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh									6,7,8,9	X.PHA Y1						CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh											6,7,8,9	X.PHA Y1				CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh	21/04-27/04/25	1	6,7,8,9	X.PHA Y1												CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh					6,7,8,9	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh							6,7	X.PHA Y1								CDCQ 50
24	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(224)_04_TH	18	0	TH	Ngô Xuân Sơn	21/04-27/04/25	1					8,9	X.PHA Y1							CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn									6,7,8,9	X.PHA Y1						CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn											6,7,8,9	X.PHA Y1				CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn	28/04-25/05/25	4	6,7,8,9	X.PHA Y1												CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn					6,7,8,9	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn							6,7,8,9	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn									6,7,8,9	X.PHA Y1						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Xuân Sơn												6,7,8,9	X.PHA Y1				CDCQ 50
25	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(224)_05_TH	18	0	TH	Trương NguyênHiến	12/05-08/06/25	4	6,7,8,9	X.PHA Y2											CDCTMCK50A1	CDCQ 50
							Trương NguyênHiến					6,7,8,9	X.PHA Y2										CDCQ 50
							Trương NguyênHiến							6,7,8,9	X.PHA Y2								CDCQ 50
							Trương NguyênHiến									6,7,8,9	X.PHA Y2						CDCQ 50
							Trương NguyênHiến											6,7,8,9	X.PHA Y2				CDCQ 50
							Trương NguyênHiến	09/06-15/06/25	1	6,7,8,9	X.PHA Y2												CDCQ 50
							Trương NguyênHiến					6,7,8,9	X.PHA Y2										CDCQ 50
							Trương NguyênHiến							6,7	X.PHA Y2								CDCQ 50
26	3CK249 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_01_TH_1E4	29	0	TH		10/02-20/04/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1											CDCTMCK49A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1								CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1						CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1						CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1				CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1				CDCQ 49
27	3CK250 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(224)_01_TH_1A1	29	0	TH		21/04-27/07/25	14	6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1											CDCTMCK49A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1										CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1								CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1								CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1						CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1						CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(CTM)1				CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(CTM)1				CDCQ 49
28	3CK204 CD	2	Tiện lỗ, tiện côn(224)_01_TH	18	0	TH	Mai Tất Lợi	10/02-01/03/25	3	6,7,8,9	X.TIE N2											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Mai Tất Lợi					6,7,8,9	X.TIE N2										CDCQ 50
							Mai Tất Lợi							6,7,8,9	X.TIE N2								CDCQ 50
							Mai Tất Lợi									6,7,8,9	X.TIE N2						CDCQ 50
							Mai Tất Lợi											6,7,8,9	X.TIE N2				CDCQ 50
29	3CK204 CD	2	Tiện lỗ, tiện côn(224)_02_TH	18	0	TH	Mai Tất Lợi	03/03-22/03/25	3	6,7,8,9	X.TIE N2											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Mai Tất Lợi					6,7,8,9	X.TIE N2										CDCQ 50
							Mai Tất Lợi							6,7,8,9	X.TIE N2								CDCQ 50
							Mai Tất Lợi									6,7,8,9	X.TIE N2						CDCQ 50
							Mai Tất Lợi											6,7,8,9	X.TIE N2				CDCQ 50
30	3CK204 CD	2	Tiện lỗ, tiện côn(224)_03_TH	18	0	TH	Trần Văn Giang	28/04-17/05/25	3	6,7,8,9	X.TIE N1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Trần Văn Giang					6,7,8,9	X.TIE N1										CDCQ 50
							Trần Văn Giang							6,7,8,9	X.TIE N1								CDCQ 50
							Trần Văn Giang									6,7,8,9	X.TIE N1						CDCQ 50
							Trần Văn Giang											6,7,8,9	X.TIE N1				CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương			6,7,8,9	X.TIE N1												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(224)_01_TH	18	0	TH	Đậu Tấn Cương	24/03-12/04/25	3			6,7,8,9	X.TIE N1									CDCTMCK50A1	CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương							6,7,8,9	X.TIE N1								CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương									6,7,8,9	X.TIE N1						CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương											6,7,8,9	X.TIE N1				CDCQ 50
32	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(224)_02_TH	18	0	TH	Đậu Tấn Cương	03/03-22/03/25	3	6,7,8,9	X.TIE N3											CDCTMCK50A1	CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương					6,7,8,9	X.TIE N3										CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương							6,7,8,9	X.TIE N3								CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương									6,7,8,9	X.TIE N3						CDCQ 50
							Đậu Tấn Cương											6,7,8,9	X.TIE N3				CDCQ 50
33	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(224)_03_TH	18	0	TH	Trần Văn Giang	26/05-14/06/25	3	6,7,8,9	X.TIE N1											CDCTMCK50A1	CDCQ 50
							Trần Văn Giang					6,7,8,9	X.TIE N1										CDCQ 50
							Trần Văn Giang							6,7,8,9	X.TIE N1								CDCQ 50
							Trần Văn Giang									6,7,8,9	X.TIE N1						CDCQ 50
							Trần Văn Giang											6,7,8,9	X.TIE N1				CDCQ 50
1	1CK193 DH	3	Cơ học máy(224)_01	17	0	LT	Phạm Minh Tâm	10/02-25/05/25	15									6,7,8	A2.307 (TA)			DHCDTCK18A1	DHCQ 18
2	1CK191 DH	3	Cơ khí đại cương(224)_01	17	0	LT	Hoàng Hữu Tân	10/02-25/05/25	15											8,9,10	A2.102	DHCDTCK18A1	DHCQ 18
3	3CK124 DH	3	Công nghệ chế tạo máy 2 + Đồ gá(224)_01	60	0	LT	Vũ Qúy Đạc	30/12-19/01/25	3							1,2,3	A2.210					DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Vũ Qúy Đạc	10/02-04/05/25	12							1,2,3	A2.210						DHCQ 17
4	3CK115 DH	2	Công nghệ kim loại(224)_01	64	0	LT	Ngô Văn Giang	10/02-25/05/25	15							6,7	A2.411					DHCTMCK19A2	DHCQ 19
5	3CK115 DH	2	Công nghệ kim loại(224)_02	60	0	LT	Ngô Văn Giang	10/02-25/05/25	15			3,4	A2.106									DHCTMCK19A1	DHCQ 19
6	3CK172 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo khuôn mẫu(224)_01_DA	23	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHCTMK16(GCKM)	DHCQ 16
7	3CK125	1	Đồ án Công nghệ chế tạo	60	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHCTMCK17(	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
7	DH	1	máy(224)_01_DA	60	0	DA		10/02-04/05/25	12													GCK)	DHCQ 17
8	4CK258 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_19C	23	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHCTMCK16(CNC)	DHCQ 16
9	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_06	60	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15							3,4	A2.106					DHOTOCK19A1	DHCQ 19
10	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_07	60	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15					1,2	A2.107							DHOTOCK19A2	DHCQ 19
11	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_08	60	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15									3,4	A2.312			DHOTOCK19A3	DHCQ 19
12	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_09	60	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.106											DHOTOCK19A4	DHCQ 19
13	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_10	60	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15											8,9	A2.107	DHOTOCK19A5	DHCQ 19
14	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224)_11	60	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15											6,7	A2.312	DHOTOCK19A6	DHCQ 19
15	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_01_TH	19	0	TH	Kiều Anh Dũng	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL2											DHCDTCK19A1	DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng					6,7,8,9	X.HAN - GCAL2										DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng							6,7,8,9	X.HAN - GCAL2								DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng									6,7,8,9	X.HAN - GCAL2						DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng											6,7,8,9	X.HAN - GCAL2				DHCQ 19
							Ngô Ngọc Sơn			1,2,3,4	X.HAN - GCAL1												DHCQ 19
							Ngô Ngọc Sơn					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3CK201CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_02_TH	20	0	TH	Ngô Ngọc Sơn	03/03-23/03/25	3					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1							DHCTMCK19A2	DHCQ19
							Ngô Ngọc Sơn									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ19
							Ngô Ngọc Sơn											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ19
17	3CK201CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_03_TH	20	0	TH	Phạm Thanh Phú	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK19A2	DHCQ19
							Phạm Thanh Phú					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ19
							Phạm Thanh Phú							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ19
							Phạm Thanh Phú									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ19
							Phạm Thanh Phú											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ19
18	3CK201CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_04_TH	20	0	TH	Cao Xuân Lại	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK19A2	DHCQ19
							Cao Xuân Lại					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ19
							Cao Xuân Lại							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Cao Xuân Lại									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 19
							Cao Xuân Lại											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 19
19	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_05_TH	20	0	TH	Ngô Ngọc Sơn	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
							Ngô Ngọc Sơn					6,7,8,9	X.HAN - GCAL1										DHCQ 19
							Ngô Ngọc Sơn							6,7,8,9	X.HAN - GCAL1								DHCQ 19
							Ngô Ngọc Sơn											6,7,8,9	X.HAN - GCAL1				DHCQ 19
							Ngô Ngọc Sơn																DHCQ 19
20	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_06_TH	20	0	TH	Cao Xuân Lại	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
							Cao Xuân Lại					6,7,8,9	X.HAN - GCAL1										DHCQ 19
							Cao Xuân Lại							6,7,8,9	X.HAN - GCAL1								DHCQ 19
							Cao Xuân Lại									6,7,8,9	X.HAN - GCAL1						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Cao Xuân Lại											6,7,8,9	X.HAN - GCAL1				DHCQ 19
21	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(224)_07_TH	20	0	TH	Kiều Anh Dũng	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK19A1	DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng					6,7,8,9	X.HAN - GCAL1										DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng							6,7,8,9	X.HAN - GCAL1								DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng									6,7,8,9	X.HAN - GCAL1						DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng											6,7,8,9	X.HAN - GCAL1				DHCQ 19
22	3CK119 DH	2	Kinh tế công nghiệp và quản trị chất lượng(224)_01	40	0	LT	Lê ThịNgân	30/12-19/01/25	3											1,2	A2.103	DHCTMCK16(CNC)	DHCQ 16
							Lê ThịNgân	10/02-04/05/25	12											1,2	A2.103		DHCQ 16
23	3CK119 DH	2	Kinh tế công nghiệp và quản trị chất lượng(224)_02	40	0	LT	Lê ThịNgân	30/12-19/01/25	3							8,9	A2.301					DHCTMK16(GCKM)	DHCQ 16
							Lê ThịNgân	10/02-04/05/25	12							8,9	A2.301						DHCQ 16
24	3CK261 DH	2	Kỹ thuật ngược(224)_01_TH	20	0	TH	Hoàng Xuân Lãm	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.CNC 1											DHCTMCK16(CNC)	DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm					6,7,8,9	X.CNC 1										DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm							6,7,8,9	X.CNC 1								DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm									6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm											6,7,8,9	X.CNC 1				DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm			6,7,8,9	X.CNC 1												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	3CK261 DH	2	Kỹ thuật ngược(224)_02_TH	20	0	TH	Hoàng Xuân Lãm	03/03-23/03/25	3			6,7,8,9	X.CNC 1									DHCTMCK16(CNC)	DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm							6,7,8,9	X.CNC 1								DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm									6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm											6,7,8,9	X.CNC 1				DHCQ 16
26	3CK261 DH	2	Kỹ thuật ngược(224)_03_TH	20	0	TH	Hoàng Xuân Lãm	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.CNC 1											DHCTMK16(GCKM)	DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm					1,2,3,4	X.CNC 1										DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm							1,2,3,4	X.CNC 1								DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm									1,2,3,4	X.CNC 1						DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm											1,2,3,4	X.CNC 1				DHCQ 16
27	3CK261 DH	2	Kỹ thuật ngược(224)_04_TH	20	0	TH	Hoàng Xuân Lãm	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.CNC 2											DHCTMK16(GCKM)	DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm					1,2,3,4	X.CNC 2										DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm							1,2,3,4	X.CNC 2								DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm									1,2,3,4	X.CNC 2						DHCQ 16
							Hoàng Xuân Lãm											1,2,3,4	X.CNC 2				DHCQ 16
28	3CK122 DH	3	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt(224)_01	42	0	LT	Lê VănSinh	24/02-08/06/25	15	6,7,8	A2.301											DHCTMCK18A1	DHCQ 18
29	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(224)_01	55	0	LT	Trần Đình Hiếu	24/02-08/06/25	15							6,7,8	A2.312					DHOTOCK18A1	DHCQ 18
30	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(224)_02	55	0	LT	Trần Đình Hiếu	24/02-08/06/25	15			6,7,8	A2.411									DHOTOCK18A2	DHCQ 18
31	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(224)_03	55	0	LT	Trần Đình Hiếu	24/02-08/06/25	15									6,7,8	A2.301			DHOTOCK18A3	DHCQ 18
32	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(224)_04	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	24/02-08/06/25	15			1,2,3	A2.204									DHOTOCK18A4	DHCQ 18
33	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(224)_05	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	24/02-08/06/25	15							1,2,3	A2.402					DHOTOCK18A5	DHCQ 18
34	1CK184 DH	3	Nhập môn ngành cơ điện tử(224)_01	19	0	LT	Hoàng Hữu Tân	10/02-25/05/25	15									3,4,5	A2.101			DHCDTCK19A1	DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh			6,7,8,9	X.PHAY1												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(224)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	30/12-19/01/25	3			6,7,8,9	X.PHA Y1									DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Nguyễn Khắc Chinh							6,7,8,9	X.PHA Y1								DHCQ 17
							Nguyễn Khắc Chinh									6,7,8,9	X.PHA Y1						DHCQ 17
							Nguyễn Khắc Chinh											6,7,8,9	X.PHA Y1				DHCQ 17
36	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(224)_02_TH	20	0	TH	Trương NguyênHiến	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y2											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Trương NguyênHiến					6,7,8,9	X.PHA Y2										DHCQ 17
							Trương NguyênHiến							6,7,8,9	X.PHA Y2								DHCQ 17
							Trương NguyênHiến									6,7,8,9	X.PHA Y2						DHCQ 17
							Trương NguyênHiến											6,7,8,9	X.PHA Y2				DHCQ 17
37	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(224)_03_TH	20	0	TH	Trương NguyênHiến	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y2											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Trương NguyênHiến					6,7,8,9	X.PHA Y2										DHCQ 17
							Trương NguyênHiến							6,7,8,9	X.PHA Y2								DHCQ 17
							Trương NguyênHiến									6,7,8,9	X.PHA Y2						DHCQ 17
							Trương NguyênHiến											6,7,8,9	X.PHA Y2				DHCQ 17
38	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(224)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	30/12-18/01/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y2											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo					6,7,8,9	X.PHA Y2										DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo							6,7,8,9	X.PHA Y2								DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo									6,7,8,9	X.PHA Y2						DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo											6,7,8,9	X.PHA Y2				DHCQ 17
39	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(224)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y1											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo					6,7,8,9	X.PHA Y1										DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo							6,7,8,9	X.PHA Y1								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Chương Đạo										6,7,8,9	X.PHA Y1						DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo												6,7,8,9	X.PHA Y1				DHCQ 17
40	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(224)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	10/02-01/03/25	3	6,7,8,9	X.PHA Y1											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo					6,7,8,9	X.PHA Y1										DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo							6,7,8,9	X.PHA Y1								DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo									6,7,8,9	X.PHA Y1						DHCQ 17
							Nguyễn Chương Đạo											6,7,8,9	X.PHA Y1				DHCQ 17
41	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(224)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1											DHCTMCK19A2	DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 19
42	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(224)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1											DHCTMCK19A2	DHCQ 19
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 19
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 19
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 19
							Nguyễn Chương Đạo											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 19
43	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(224)_03_TH	20	0	TH	Trương NguyênHiến	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y2											DHCTMCK19A2	DHCQ 19
							Trương NguyênHiến					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Trương NguyênHiến							1,2,3,4	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Trương NguyênHiến									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 19
							Trương NguyênHiến											1,2,3,4	X.PHA Y2				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
44	3CK205CD	2	Phay mặt phẳng(224)_04_TH	20	0	TH	Trương NguyênHiến	10/02-01/03/25	3	6,7,8,9	X.PHAY2											DHCTMCK19A1	DHCQ19
							Trương NguyênHiến					6,7,8,9	X.PHAY2										DHCQ19
							Trương NguyênHiến							6,7,8,9	X.PHAY2								DHCQ19
							Trương NguyênHiến									6,7,8,9	X.PHAY2						DHCQ19
							Trương NguyênHiến											6,7,8,9	X.PHAY2				DHCQ19
45	3CK205CD	2	Phay mặt phẳng(224)_05_TH	20	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	03/03-22/03/25	3	6,7,8,9	X.PHAY2											DHCTMCK19A1	DHCQ19
							Nguyễn Khắc Chinh					6,7,8,9	X.PHAY2										DHCQ19
							Nguyễn Khắc Chinh							6,7,8,9	X.PHAY2								DHCQ19
							Nguyễn Khắc Chinh									6,7,8,9	X.PHAY2						DHCQ19
							Nguyễn Khắc Chinh											6,7,8,9	X.PHAY2				DHCQ19
46	3CK205CD	2	Phay mặt phẳng(224)_06_TH	20	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.PHAY3											DHCTMCK19A1	DHCQ19
							Nguyễn Chương Đạo					6,7,8,9	X.PHAY3										DHCQ19
							Nguyễn Chương Đạo							6,7,8,9	X.PHAY3								DHCQ19
							Nguyễn Chương Đạo									6,7,8,9	X.PHAY3						DHCQ19
							Nguyễn Chương Đạo											6,7,8,9	X.PHAY3				DHCQ19
47	3CK206CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(224)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	05/05-11/05/25	1					3,4	X.PHAY1							DHCTMCK18A1	DHCQ18
							Nguyễn Khắc Chinh									1,2,3,4	X.PHAY1						DHCQ18
							Nguyễn Khắc Chinh											1,2,3,4	X.PHAY1				DHCQ18
							Nguyễn Khắc Chinh	12/05-08/06/25	4	1,2,3,4	X.PHAY1												DHCQ18
							Nguyễn Khắc Chinh					1,2,3,4	X.PHAY1										DHCQ18
							Nguyễn Khắc Chinh							1,2,3,4	X.PHAY1								DHCQ18
							Nguyễn Khắc Chinh									1,2,3,4	X.PHAY1						DHCQ18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Khắc Chinh												1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 18
48	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(224)_02_TH	22	0	TH	Ngô Xuân Sơn	07/04-04/05/25	4	1,2,3,4	X.PHA Y1											DHCTMCK18A 1	DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn	05/05-11/05/25	1	1,2,3,4	X.PHA Y1												DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 18
							Ngô Xuân Sơn							1,2	X.PHA Y1								DHCQ 18
49	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_01	55	0	LT	Ngô Văn Giang	24/02-08/06/25	15			6,7,8	A2.412									DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
50	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_02	55	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	24/02-08/06/25	15	6,7,8	A2.411											DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
51	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_03	55	0	LT	Lê VănSinh	24/02-08/06/25	15					6,7,8	A2.107							DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
52	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_04	60	0	LT	Nguyễn Chung	24/02-08/06/25	15							1,2,3	A2.211					DHOTOCK18A 4	DHCQ 18
53	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_05	60	0	LT	Nguyễn Chung	24/02-08/06/25	15	1,2,3	A2.411											DHOTOCK18A 5	DHCQ 18
54	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_06	42	0	LT	Vũ Qúy Đạc	24/02-08/06/25	15			6,7,8	A2.204									DHCTMCK18A 1	DHCQ 18
55	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224)_07	47	0	LT	Lê VănSinh	24/02-08/06/25	15			1,2,3	A2.203									DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
56	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(224)_01_TN	30	0	TN	Phạm Thanh Phú	05/05-11/05/25	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN											DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú					1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú							1,2,3,4	TN.SU CBEN								DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú									1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú											1,2,3,4	TN.SU CBEN				DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú			1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Thanh Phú	12/05-18/05/25	1			1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú							1,2	TN.SU CBEN								DHCQ 19
57	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(224)_02_TN	30	0	TN	Phạm Thanh Phú	12/05-18/05/25	1					3,4	TN.SU CBEN							DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú									1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú											1,2,3,4	TN.SU CBEN				DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú	19/05-25/05/25	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú					1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú							1,2,3,4	TN.SU CBEN								DHCQ 19
							Phạm Thanh Phú									1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 19
58	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(224)_03_TN	30	0	TN	Kiều Anh Dũng	05/05-11/05/25	1	6,7,8,9	TN.SU CBEN											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng					6,7,8,9	TN.SU CBEN										DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng							6,7,8,9	TN.SU CBEN								DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng									6,7,8,9	TN.SU CBEN						DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng											6,7,8,9	TN.SU CBEN				DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng	12/05-18/05/25	1	6,7,8,9	TN.SU CBEN												DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng					6,7,8,9	TN.SU CBEN										DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng							6,7	TN.SU CBEN								DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng	12/05-18/05/25	1					8,9	TN.SU CBEN								DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng									6,7,8,9	TN.SU CBEN						DHCQ 19
							Kiều Anh Dũng											6,7,8,9	TN.SU CBEN				DHCQ 19
59	3CK118	1	Thí nghiệm vật liệu cơ	30	0	TN	Kiều Anh Dũng			6,7,8,9	TN.SU CBEN											DHCTMCK19A	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
59	DH	1	khí(224)_04_TN	50	0	TN	Kiều Anh Dũng	19/05-25/05/25	1			6,7,8,9	TN.SUCBEN									1	DHCQ19
							Kiều Anh Dũng							6,7,8,9	TN.SUCBEN								DHCQ19
							Kiều Anh Dũng									6,7,8,9	TN.SUCBEN						DHCQ19
							Kiều Anh Dũng											6,7,8,9	TN.SUCBEN				DHCQ19
60	4CK186DH	2	Thiết kế khuôn trên máy tính(224)_01	60	0	LT	Lê VănSinh	30/12-19/01/25	3									1,2	A2.210			DHCTMCK17(GCK)	DHCQ17
							Lê VănSinh	10/02-04/05/25	12									1,2	A2.210				DHCQ17
61	4CK281DH	2	Thực hành CAD/CAM/CNC(224)_01_TH	22	0	TH	Lương Hải Chung	17/03-06/04/25	3	1,2,3,4	X.CNC1											DHCTMCK18A1	DHCQ18
							Lương Hải Chung					1,2,3,4	X.CNC1										DHCQ18
							Lương Hải Chung							1,2,3,4	X.CNC1								DHCQ18
							Lương Hải Chung									1,2,3,4	X.CNC1						DHCQ18
							Lương Hải Chung											1,2,3,4	X.CNC1				DHCQ18
62	4CK281DH	2	Thực hành CAD/CAM/CNC(224)_02_TH	22	0	TH	La Ngọc Tuấn	07/04-27/04/25	3	1,2,3,4	X.CNC1											DHCTMCK18A1	DHCQ18
							La Ngọc Tuấn					1,2,3,4	X.CNC1										DHCQ18
							La Ngọc Tuấn							1,2,3,4	X.CNC1								DHCQ18
							La Ngọc Tuấn									1,2,3,4	X.CNC1						DHCQ18
							La Ngọc Tuấn													1,2,3,4	X.CNC1		DHCQ18
63	3CK208CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(224)_01_TH	20	0	TH	Đậu Tấn Cương	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	X.TIEN1											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ17
							Đậu Tấn Cương					6,7,8,9	X.TIEN1										DHCQ17
							Đậu Tấn Cương							6,7,8,9	X.TIEN1								DHCQ17
							Đậu Tấn Cương									6,7,8,9	X.TIEN1						DHCQ17
							Đậu Tấn Cương											6,7,8,9	X.TIEN1				DHCQ17
							Đậu Tấn Cương			6,7,8,9	X.TIEN1												DHCQ17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
64	3CK208CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(224)_02_TH	20	0	TH	Đậu Tấn Cương	10/02-02/03/25	3			6,7,8,9	X.TIEN1									DHCTMCK17(GCK)	DHCQ17
							Đậu Tấn Cương							6,7,8,9	X.TIEN1								DHCQ17
							Đậu Tấn Cương									6,7,8,9	X.TIEN1						DHCQ17
							Đậu Tấn Cương											6,7,8,9	X.TIEN1				DHCQ17
65	3CK208CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(224)_03_TH	20	0	TH	Trần Văn Giang	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.TIEN1											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ17
							Trần Văn Giang					6,7,8,9	X.TIEN1										DHCQ17
							Trần Văn Giang							6,7,8,9	X.TIEN1								DHCQ17
							Trần Văn Giang									6,7,8,9	X.TIEN1						DHCQ17
							Trần Văn Giang											6,7,8,9	X.TIEN1				DHCQ17
66	4CK259DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_105	54	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHCTMCK16(CNC)	DHCQ16
67	3CK259DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_02_DA_1F6	3	0	DA		30/12-19/01/25	3														DHCQ14
								10/02-04/05/25	12														DHCQ14
68	3CK128DH	2	Ứng dụng CAE(224)_01	60	0	LT	Lưu Thuỷ Chung	30/12-19/01/25	3	3,4	A2.210											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ17
							Lưu Thuỷ Chung	10/02-04/05/25	12	3,4	A2.210												DHCQ17
69	3CK101CD	2	Vật liệu cơ khí(224)_01	64	0	LT	La Ngọc Tuấn	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.211			DHCTMCK19A2	DHCQ19
70	3CK101CD	2	Vật liệu cơ khí(224)_02	60	0	LT	La Ngọc Tuấn	10/02-25/05/25	15							3,4	A2.212					DHCTMCK19A1	DHCQ19
71	3CK101CD	2	Vật liệu cơ khí(224)_03	66	0	LT	Phạm Huy Bằng	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.204			DHKCKCK19A1	DHCQ19
72	3CK168DH	2	Vật liệu phi kim loại(224)_01	60	0	LT	Vũ Qúy Đạc	30/12-19/01/25	3	1,2	A2.210											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ17
							Vũ Qúy Đạc	10/02-04/05/25	12	1,2	A2.210												DHCQ17
73	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(224)_01	19	0	LT	Lê Phú Cường	10/02-25/05/25	15			3,4	A2.107									DHCDTCK19A1	DHCQ19
74	4CK180DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(224)_01	64	0	LT	Lê Phú Cường	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.312											DHCTMCK19A2	DHCQ19
75	4CK180DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(224)_02	60	0	LT	Lưu Thuỷ Chung	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.102											DHCTMCK19A1	DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
76	4CK180DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(224)_03	66	0	LT	Lương Văn Chiến	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.101											DHKCKCK19A1	DHCQ19

Đơn vị đảm nhận : Khoa Cơ khí Động lực

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(224)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.SC.TL-KNA											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.TL-KNA										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.TL-KNA								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.TL-KNA						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.TL-KNA				CDCQ 50
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(224)_04_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.SC.TL-KNA											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.SC.TL-KNA										CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.SC.TL-KNA								CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.SC.TL-KNA						CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.SC.TL-KNA				CDCQ 50
3	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(224)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	X.SC.TBCK A											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan					6,7,8,9	X.SC.TBCK A										CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan							6,7,8,9	X.SC.TBCK A								CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan									6,7,8,9	X.SC.TBCK A						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hồng Ngoan											6,7,8,9	X.SC.TBCK A				CDCQ 50
4	3DL213DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(224)_04_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.SC.TBCK A											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.TBCK A										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.TBCK A								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.TBCK A						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.TBCK A				CDCQ 50
5	3DL204DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(224)_01_TH	20	0	TH	Lê Văn Lương	05/05-15/06/25	6	1,2,3,4	X.GAM OTO-1A											CDOTOCK50A1	CDCQ 50
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.GAM OTO-1A										CDCQ 50
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.GAM OTO-1A								CDCQ 50
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.GAM OTO-1A						CDCQ 50
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.GAM OTO-1A				CDCQ 50
							Vi Văn Duy			1,2,3,4	X.GAM OTO-1A												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
6	3DL204DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(224)_02_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	24/03-04/05/25	6			1,2,3,4	X.GAM OTO-1A									CDOTOCK50A1	CDCQ 50
							Vi Văn Duy							1,2,3,4	X.GAM OTO-1A								CDCQ 50
							Vi Văn Duy									1,2,3,4	X.GAM OTO-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											1,2,3,4	X.GAM OTO-1A				CDCQ 50
7	3DL204DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(224)_03_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	05/05-15/06/25	6	6,7,8,9	X.GAM OTO-1A											CDOTOCK50A2	CDCQ 50
							Vi Văn Duy					6,7,8,9	X.GAM OTO-1A										CDCQ 50
							Vi Văn Duy							6,7,8,9	X.GAM OTO-1A								CDCQ 50
							Vi Văn Duy									6,7,8,9	X.GAM OTO-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											6,7,8,9	X.GAM OTO-1A				CDCQ 50
							Vi Văn Duy			6,7,8,9	X.GAM OTO-1A												CDCQ 50
							Vi Văn Duy					6,7,8,9	X.GAM OTO-1A										CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(224)_04_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	24/03-04/05/25	6					6,7,8,9	X.GAM OTO-1A							CDOTOCK50A2	CDCQ 50
							Vi Văn Duy									6,7,8,9	X.GAM OTO-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											6,7,8,9	X.GAM OTO-1A				CDCQ 50
9	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(224)_01_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	05/05-15/06/25	6	1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A											CDOTOCK50A1	CDCQ 50
							Vi Văn Duy					1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A										CDCQ 50
							Vi Văn Duy							1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A								CDCQ 50
							Vi Văn Duy									1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A				CDCQ 50
10	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(224)_02_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	03/03-13/04/25	6	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A											CDOTOCK50A1	CDCQ 50
							Vi Văn Duy					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A										CDCQ 50
							Vi Văn Duy							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A								CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Vi Văn Duy									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A				CDCQ 50
11	3DL205DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(224)_03_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	05/05-15/06/25	6	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A											CDOTOCK50A2	CDCQ 50
							Vi Văn Duy					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A										CDCQ 50
							Vi Văn Duy							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A								CDCQ 50
							Vi Văn Duy									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A				CDCQ 50
12	3DL205DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(224)_04_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	24/03-04/05/25	6	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A											CDOTOCK50A2	CDCQ 50
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A										CDCQ 50
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A								CDCQ 50
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A				CDCQ 50
13	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điển hình 1(224)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.SC.TBCK C											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu					6,7,8,9	X.SC.TBCK C										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu							6,7,8,9	X.SC.TBCK C								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu									6,7,8,9	X.SC.TBCK C						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu											6,7,8,9	X.SC.TBCK C				CDCQ 50
14	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điển hình 1(224)_04_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	26/05-15/06/25	3	6,7,8,9	X.SC.TBCK C											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.SC.TBCK C										CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.SC.TBCK C								CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.SC.TBCK C						CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.SC.TBCK C				CDCQ 50
										6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1												CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1												CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3DL256DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_01_TH_104	60	0	TH		10/02-20/04/25	10			6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1									CDOTOCK49A1	CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1								CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1						CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1						CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1				CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1				CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2												CDCQ 49
										6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2										CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DL256DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_02_TH_1A4	27	0	TH		10/02-20/04/25	10			1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2									CDKCKCK49A1	CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2								CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2						CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2						CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2				CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2				CDCQ 49
										6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1												CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1										CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(224)_01_TH_168	60	0	TH		21/04-27/07/25	14					1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1							CDOTOCK49A 1	CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1								CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1						CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1						CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1				CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1				CDCQ 49
										6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2												CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2										CDCQ 49
18	3DL257	14	Thực tập tốt	27	0	TH		21/04-27/07/25	14					1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2							CDKCKCK49A	CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
18	CD	14	nghiệp(224)_02_TH_165	27	0	TH		21/04-27/07/25	14					6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2							1	CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2						CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2						CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)2				CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)2				CDCQ 49
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(224)_01_TH	24	0	TH	Trần Xuân Sơn	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	X.SC.TL-KNA											DHKCKCK18A1	DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.SC.TL-KNA										DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.SC.TL-KNA								DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.SC.TL-KNA						DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.SC.TL-KNA				DHCQ 18
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(224)_02_TH	24	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	X.SC.TL-KNA											DHKCKCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.TL-KNA										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.TL-KNA								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.TL-KNA						DHCQ18
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.TL-KNA				DHCQ18
3	3DL213DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(224)_01_TH	18	0	TH	Trần Xuân Sơn	24/03-12/04/25	3	1,2,3,4	X.SC.TBCK A											DHKCKCK17A1	DHCQ17
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.SC.TBCK A										DHCQ17
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.SC.TBCK A								DHCQ17
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.SC.TBCK A						DHCQ17
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.SC.TBCK A				DHCQ17
4	3DL213DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(224)_02_TH	18	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.SC.TBCK A											DHKCKCK17A1	DHCQ17
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.TBCK A										DHCQ17
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.TBCK A								DHCQ17
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.TBCK A						DHCQ17
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.TBCK A				DHCQ17
							Trần Viết Phương			11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A												DHCQ16
							Trần Viết Phương					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A										DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_01_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	14/04-03/05/25	3					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A				DHCQ 16
6	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_02_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	24/02-15/03/25	3	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B				DHCQ 16
7	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_03_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	24/02-15/03/25	3	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Xuân Đồng									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C						DHCQ16
							Lê Xuân Đồng											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C				DHCQ16
8	3DL212DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_04_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	03/03-22/03/25	3	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B												DHCQ16
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B										DHCQ16
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B								DHCQ16
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B						DHCQ16
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B				DHCQ16
9	3DL212DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_05_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B												DHCQ16
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B										DHCQ16
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B								DHCQ16
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B						DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B				DHCQ16
10	3DL212DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_06_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A												DHCQ16
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A										DHCQ16
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A								DHCQ16
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A						DHCQ16
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A				DHCQ16
11	3DL212DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_07_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A												DHCQ16
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A										DHCQ16
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A								DHCQ16
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A						DHCQ16
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A				DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
12	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(224)_08_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	14/04-04/05/25	3	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B								DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B				DHCQ 16
13	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_01_TH	22	0	TH	Lê Văn Lương	03/03-30/03/25	4	11,12,13,14	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Lê Văn Lương					11,12,13,14	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Lê Văn Lương							11,12,13,14	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Lê Văn Lương									11,12,13,14	X.DONG CO-1A						DHCQ 18
							Lê Văn Lương											11,12,13,14	X.DONG CO-1A				DHCQ 18
							Lê Văn Lương			11,12,13,14	X.DONG CO-1A												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Văn Lương	31/03-06/04/25	1			11,12,13,14	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Lê Văn Lương							11,12	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
14	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_02_TH	22	0	TH	Lê Văn Lương	31/03-06/04/25	1					8,9	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	X.DONG CO-1A						DHCQ 18
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	X.DONG CO-1A				DHCQ 18
							Lê Văn Lương	07/04-03/05/25	4	6,7,8,9	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Lê Văn Lương					6,7,8,9	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Lê Văn Lương							6,7,8,9	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	X.DONG CO-1A				DHCQ 18
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	X.DONG CO-1A						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh			11,12,13,14	X.DONG CO-1A												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_03_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	05/05-01/06/25	4			11,12,13,14	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							11,12,13,14	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									11,12,13,14	X.DONG CO-1A						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											11,12,13,14	X.DONG CO-1A				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	02/06-08/06/25	1	11,12,13,14	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					11,12,13,14	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							11,12	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
16	4DL224	3	Bảo trì động cơ đốt trong	22	0	TH	Trần Viết Phương	05/05-01/06/25	4	6,7,8,9	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DONG CO-1A						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	DH	3	2(224)_04_TH	22	0	TH	Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DONG CO-1A				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	02/06-08/06/25	1	6,7,8,9	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
17	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_05_TH	22	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	05/05-31/05/25	4	6,7,8,9	X.DONG CO-1B												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DONG CO-1B										DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.DONG CO-1B								DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.DONG CO-1B						DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.DONG CO-1B				DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc	02/06-07/06/25	1	6,7,8,9	X.DONG CO-1B												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DONG CO-1B										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7	X.DONG CO-1B								DHCQ 18
18	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_06_TH	22	0	TH	Lê Văn Lương	03/03-30/03/25	4	1,2,3,4	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DONG CO-1A						DHCQ 18
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DONG CO-1A				DHCQ 18
							Lê Văn Lương	31/03-06/04/25	1	1,2,3,4	X.DONG CO-1A												DHCQ 18
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DONG CO-1A										DHCQ 18
							Lê Văn Lương							1,2	X.DONG CO-1A								DHCQ 18
							Lê Văn Lương	31/03-06/04/25	1					3,4	X.DONG CO-1B								DHCQ 18
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DONG CO-1B						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_07_TH	22	0	TH	Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DONG CO-1B				DHCQ 18
							Lê Văn Lương	07/04-04/05/25	4	1,2,3,4	X.DONG CO-1B												DHCQ 18
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DONG CO-1B										DHCQ 18
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DONG CO-1B								DHCQ 18
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DONG CO-1B						DHCQ 18
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DONG CO-1B				DHCQ 18
20	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_08_TH	22	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	03/03-29/03/25	4	1,2,3,4	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DONG CO-1C						DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DONG CO-1C				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc	31/03-06/04/25	1	1,2,3,4	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
21	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_09_TH	22	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	31/03-06/04/25	1					3,4	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DONG CO-1C						DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DONG CO-1C				DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc	07/04-04/05/25	4	1,2,3,4	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DONG CO-1C						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_10_TH	22	0	TH	Trần Viết Phương	05/05-01/06/25	4	1,2,3,4	X.DONG CO-1B												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DONG CO-1B										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DONG CO-1B								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DONG CO-1B						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DONG CO-1B				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4	X.DONG CO-1B												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DONG CO-1B										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							1,2	X.DONG CO-1B								DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc	05/05-01/06/25	4	1,2,3,4	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DONG CO-1C								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_11_TH	22	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DONG CO-1C						DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DONG CO-1C				DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
24	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_12_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	05/05-01/06/25	4	6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh			6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh	02/06-08/06/25	1			6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							6,7	VH.ĐC XANG-1C								DHCQ 18
25	4DL224 DH	3	Bảo trì động cơ đốt trong 2(224)_13_TH	22	0	TH	Phạm Văn Thành	05/05-01/06/25	4	6,7,8,9	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.DONG CO-1C						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.DONG CO-1C				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	02/06-08/06/25	1	6,7,8,9	X.DONG CO-1C												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.DONG CO-1C										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							6,7	X.DONG CO-1C								DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ			6,7,8,9	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
26	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_01_TH	22	0	TH	Hoàng Văn Thụ	03/03-30/03/25	4			6,7,8,9	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ							6,7,8,9	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ									6,7,8,9	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ											6,7,8,9	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ	31/03-06/04/25	1	6,7,8,9	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ					6,7,8,9	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ							6,7	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
27	4DL225	3	Bảo trì gầm ô tô	22	0	TH	Đào TấtThắm	07/04-03/05/25	4	6,7,8,9	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					6,7,8,9	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							6,7,8,9	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Đào TấtThắm									6,7,8,9	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	DH	3	1(224)_02_TH	22	0	TH	Đào TấtThắm											6,7,8,9	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Đào TấtThắm	05/05-10/05/25	1	6,7,8,9	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					6,7,8,9	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							6,7	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
28	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_03_TH	22	0	TH	Lê Xuân Đồng	05/05-01/06/25	4	6,7,8,9	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng	02/06-08/06/25	1	6,7,8,9	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Xuân Đồng							6,7	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
29	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_04_TH	22	0	TH	Đào TấtThắm	05/05-10/05/25	1					8,9	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Đào TấtThắm									6,7,8,9	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
							Đào TấtThắm											6,7,8,9	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Đào TấtThắm	12/05-07/06/25	4	6,7,8,9	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					6,7,8,9	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							6,7,8,9	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Đào TấtThắm									6,7,8,9	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
							Đào TấtThắm											6,7,8,9	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Hoảng Văn Thụ	31/03-06/04/25	1					8,9	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Hoảng Văn Thụ									6,7,8,9	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_05_TH	22	0	TH	Hoàng Văn Thụ											6,7,8,9	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ	07/04-04/05/25	4	6,7,8,9	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ					6,7,8,9	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ							6,7,8,9	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ									6,7,8,9	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ											6,7,8,9	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18
31	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_06_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	03/03-30/03/25	4	1,2,3,4	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh	31/03-06/04/25	1	1,2,3,4	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
32	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_07_TH	22	0	TH	Phạm Văn Thành	03/03-30/03/25	4	1,2,3,4	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	31/03-06/04/25	1	1,2,3,4	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
33	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_08_TH	22	0	TH	Phạm Văn Thành	05/05-31/05/25	4	11,12,13,14	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					11,12,13,14	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							11,12,13,14	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									11,12,13,14	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											11,12,13,14	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	02/06-07/06/25	1	11,12,13,14	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					11,12,13,14	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							11,12	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	31/03-06/04/25	1					3,4	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
34	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_09_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	07/04-04/05/25	4	1,2,3,4	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18
35	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_10_TH	22	0	TH	Phạm Văn Thành	31/03-06/04/25	1					3,4	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	07/04-04/05/25	4	1,2,3,4	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
36	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_11_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	05/05-01/06/25	4	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành			1,2,3,4	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
37	4DL225 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 1(224)_12_TH	22	0	TH	Phạm Văn Thành	05/05-01/06/25	4			1,2,3,4	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GAM OTO-1C						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GAM OTO-1C				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4	X.GAM OTO-1C												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GAM OTO-1C										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2	X.GAM OTO-1C								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng	05/05-01/06/25	4	1,2,3,4	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.GAM OTO-1B						DHCQ 18
38	4DL225	3	Bảo trì gầm ô tô	22	0	TH																	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
38	DH	3	1(224)_13_TH	22	0	TH	Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.GAM OTO-1B				DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng	02/06-08/06/25	1	1,2,3,4	X.GAM OTO-1B												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.GAM OTO-1B										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							1,2	X.GAM OTO-1B								DHCQ 18
39	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_01_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ 16
							Lê Văn Lương			1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1C												DHCQ 16
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1C										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
40	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_02_TH	20	0	TH	Lê Văn Lương	30/12-19/01/25	3					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1C								DHCQ 16
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1C						DHCQ 16
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1C				DHCQ 16
41	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_03_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1B												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1B										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1B								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1B						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1B				DHCQ 16
42	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_04_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ 16
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ 16
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ16
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ16
43	3DL214DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_05_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	03/03-23/03/25	3	11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ16
							Phạm Văn Thành					11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ16
							Phạm Văn Thành							11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ16
							Phạm Văn Thành									11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ16
							Phạm Văn Thành											11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ16
44	3DL214DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_06_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	03/03-23/03/25	3	11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C												DHCQ16
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C										DHCQ16
							Đào TấtThắm							11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C								DHCQ16
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C						DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm											11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C				DHCQ16
45	3DL214DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_07_TH	20	0	TH	Dương Đình Vinh	30/12-18/01/25	3	11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C												DHCQ16
							Dương Đình Vinh					11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C										DHCQ16
							Dương Đình Vinh							11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C								DHCQ16
							Dương Đình Vinh									11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C						DHCQ16
							Dương Đình Vinh											11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1C				DHCQ16
46	3DL214DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_08_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ16
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ16
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ16
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ16
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_09_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
48	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_10_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 16
							Phạm Văn Thành			6,7,8,9	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
49	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_11_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	03/03-23/03/25	3			6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ 16
50	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_12_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	06/01-18/01/25	2	6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 16
							Đào TấtThắm					6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 16
							Đào TấtThắm							6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 16
							Đào TấtThắm									6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 16
							Đào TấtThắm											6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 16
							Đào TấtThắm			6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ 16
							Đào TấtThắm					6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm	10/02-15/02/25	1					6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ16
							Đào TấtThắm									6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ16
							Đào TấtThắm											6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ16
51	3DL214DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_13_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	30/12-18/01/25	3	11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc					11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc							11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc									11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc											11,12,13,14	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ16
52	3DL214DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_14_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A												DHCQ16
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A										DHCQ16
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A								DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A						DHCQ 16
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZEN-1A				DHCQ 16
53	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_15_TH	20	0	TH	Lê Văn Lương	30/12-18/01/25	3	6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C												DHCQ 16
							Lê Văn Lương					6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C										DHCQ 16
							Lê Văn Lương							6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C								DHCQ 16
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C						DHCQ 16
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C				DHCQ 16
54	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(224)_16_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	17/02-08/03/25	3	6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C												DHCQ 16
							Đào TấtThắm					6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C										DHCQ 16
							Đào TấtThắm							6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C								DHCQ 16
							Đào TấtThắm									6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm											6,7,8,9	VH.ĐC DIEZEN-1C				DHCQ16
55	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_01_TH	22	0	TH	Lê Văn Lương	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.DONG CO-1C												DHCQ19
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DONG CO-1C										DHCQ19
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DONG CO-1C								DHCQ19
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DONG CO-1C						DHCQ19
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DONG CO-1C				DHCQ19
56	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_02_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.DONG CO-1B												DHCQ19
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.DONG CO-1B										DHCQ19
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.DONG CO-1B								DHCQ19
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.DONG CO-1B						DHCQ19
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.DONG CO-1B				DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
57	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_03_TH	22	0	TH	Đào TấtThắm	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.DONG CO-1B												DHCQ19
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.DONG CO-1B										DHCQ19
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.DONG CO-1B								DHCQ19
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.DONG CO-1B						DHCQ19
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	X.DONG CO-1B				DHCQ19
58	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_04_TH	22	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	10/02-01/03/25	3	1,2,3,4	X.DONG CO-1A												DHCQ19
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DONG CO-1A										DHCQ19
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DONG CO-1A								DHCQ19
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DONG CO-1A						DHCQ19
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DONG CO-1A				DHCQ19
							Lê Xuân Đồng			1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
59	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_05_TH	22	0	TH	Lê Xuân Đồng	24/03-13/04/25	3			1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ19
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ19
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ19
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ19
60	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_06_TH	22	0	TH	Lê Xuân Đồng	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.DONG CO-1A												DHCQ19
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DONG CO-1A										DHCQ19
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.DONG CO-1A								DHCQ19
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DONG CO-1A						DHCQ19
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DONG CO-1A				DHCQ19
							Đào TấtThắm			11,12,13,14	X.DONG CO-1B												DHCQ19
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	X.DONG CO-1B										DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
61	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_07_TH	22	0	TH	Đào TấtThắm	05/05-25/05/25	3					11,12,13,14	X.DONG CO-1B								DHCQ19
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	X.DONG CO-1B						DHCQ19
							Đào TấtThắm											11,12,13,14	X.DONG CO-1B				DHCQ19
62	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_08_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.DONG CO-1B												DHCQ19
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.DONG CO-1B										DHCQ19
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.DONG CO-1B								DHCQ19
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.DONG CO-1B						DHCQ19
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.DONG CO-1B				DHCQ19
63	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_09_TH	22	0	TH	Lê Văn Lương	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.DONG CO-1A												DHCQ19
							Lê Văn Lương					6,7,8,9	X.DONG CO-1A										DHCQ19
							Lê Văn Lương							6,7,8,9	X.DONG CO-1A								DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	X.DONG CO-1A						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	X.DONG CO-1A				DHCQ 19
64	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_10_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.DONG CO-1A												DHCQ 19
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.DONG CO-1A										DHCQ 19
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.DONG CO-1A								DHCQ 19
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.DONG CO-1A						DHCQ 19
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.DONG CO-1A				DHCQ 19
65	3DL202CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_11_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	24/03-12/04/25	3	6,7,8,9	X.DONG CO-1B												DHCQ 19
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.DONG CO-1B										DHCQ 19
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.DONG CO-1B								DHCQ 19
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.DONG CO-1B						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.DONG CO-1B				DHCQ 19
66	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(224)_12_TH	22	0	TH	Dương Đình Vinh	14/04-03/05/25	3	6,7,8,9	X.DONG CO-1B												DHCQ 19
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.DONG CO-1B										DHCQ 19
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.DONG CO-1B								DHCQ 19
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.DONG CO-1B						DHCQ 19
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.DONG CO-1B				DHCQ 19
67	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_01_TH	20	0	TH	Hoảng Văn Thụ	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C												DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C										DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C								DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C						DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
68	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	14/04-03/05/25	3	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B												DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B										DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B								DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B						DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B				DHCQ 17
69	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_03_TH	20	0	TH	Hoảng Văn Thụ	30/12-18/01/25	3	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C												DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C										DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C								DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C						DHCQ 17
							Hoảng Văn Thụ											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1C				DHCQ 17
							Dương Đình Vinh			6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
70	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_04_TH	20	0	TH	Dương Đình Vinh	30/12-19/01/25	3			6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C										DHCQ 17
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C								DHCQ 17
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C						DHCQ 17
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1C				DHCQ 17
71	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_05_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	30/12-05/01/25	1	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B												DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B										DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B								DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B						DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1B				DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng			6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B												DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B										DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Xuân Đồng	06/01-19/01/25	2					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B								DHCQ17
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B						DHCQ17
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1B				DHCQ17
72	4DL228DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_06_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	30/12-05/01/25	1	11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A												DHCQ17
							Trần Viết Phương					11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A										DHCQ17
							Trần Viết Phương							11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A								DHCQ17
							Trần Viết Phương									11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A						DHCQ17
							Trần Viết Phương											11,12,13,14	X.DIEN OTO-1A				DHCQ17
							Trần Viết Phương	06/01-19/01/25	2	6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A												DHCQ17
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A										DHCQ17
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A								DHCQ17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A						DHCQ 17
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIEN OTO-1A				DHCQ 17
73	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_07_TH	20	0	TH	Hoàng Văn Thụ	03/03-22/03/25	3	1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A												DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A										DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A								DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ																DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A						DHCQ 17
74	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_08_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	X.DIEN OTO-1C												DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIEN OTO-1C										DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.DIEN OTO-1C								DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIEN OTO-1C						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIEN OTO-1C				DHCQ 17
75	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_09_TH	20	0	TH	Hoàng Văn Thụ	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	X.DIEN OTO-1B												DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	X.DIEN OTO-1B										DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	X.DIEN OTO-1B								DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	X.DIEN OTO-1B						DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ											1,2,3,4	X.DIEN OTO-1B				DHCQ 17
76	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_10_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A												DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A										DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A								DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A						DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
77	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(224)_11_TH	20	0	TH	Hoàng Văn Thụ	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A												DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A										DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A								DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A						DHCQ 17
							Hoàng Văn Thụ											1,2,3,4	X.DIEN OTO-1A				DHCQ 17
78	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_01_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	24/03-12/04/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
							Trần Viết Phương			1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
79	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_02_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	06/01-18/01/25	2			1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
							Trần Viết Phương	17/02-22/02/25	1	11,12,13,14	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					11,12,13,14	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							11,12,13,14	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									11,12,13,14	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											11,12,13,14	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
							Trần Viết Phương			1,2,3,4	X.CHAN DOAN B												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.CHAN DOAN B										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
80	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_03_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	10/02-02/03/25	3					1,2,3,4	X.CHAN DOAN B								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.CHAN DOAN B						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				DHCQ 16
81	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_04_TH	20	0	TH	Hoàng Văn Thụ	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
82	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_05_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
83	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_06_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN B												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.CHAN DOAN B										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.CHAN DOAN B								DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.CHAN DOAN B						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				DHCQ 16
84	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_07_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	24/03-12/04/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN B												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.CHAN DOAN B										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.CHAN DOAN B								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.CHAN DOAN B						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.CHAN DOAN B				DHCQ 16
85	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_08_TH	20	0	TH	Phạm Văn Thành	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
86	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_09_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN B												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.CHAN DOAN B										DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.CHAN DOAN B								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.CHAN DOAN B						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.CHAN DOAN B				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
87	3DL206DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_10_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOANA												DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.CHAN DOANA										DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.CHAN DOANA								DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.CHAN DOANA						DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.CHAN DOANA				DHCQ16
88	3DL206DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_11_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	30/12-18/01/25	3	11,12,13,14	X.CHAN DOANA												DHCQ16
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	X.CHAN DOANA										DHCQ16
							Đào TấtThắm							11,12,13,14	X.CHAN DOANA								DHCQ16
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	X.CHAN DOANA						DHCQ16
							Đào TấtThắm											11,12,13,14	X.CHAN DOANA				DHCQ16
							Nguyễn Hữu Phúc			6,7,8,9	X.CHAN DOANA												DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
89	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_12_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	03/03-23/03/25	3			6,7,8,9	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
90	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_13_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc			6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
91	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_14_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	24/03-13/04/25	3					6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	VH.ĐC XANG-1C				DHCQ 16
92	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_15_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
93	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(224)_16_TH	20	0	TH	Trần Viết Phương	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN B												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.CHAN DOAN B										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.CHAN DOAN B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.CHAN DOAN B						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.CHAN DOAN B				DHCQ 16
94	3DL148 DH	3	Chuyên đề máy và công nghệ hiện đại(224)_01	36	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	30/12-19/01/25	3					6,7,8	A2.102							DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Bình	10/02-04/05/25	12					6,7,8	A2.102								DHCQ 17
95	4DL122 DH	2	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô(224)_01	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.108							DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Dương Xuân Mỹ	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.108								DHCQ 17
96	4DL122 DH	2	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô(224)_02	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/12-19/01/25	3									8,9	A2.108			DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Dương Xuân Mỹ	10/02-04/05/25	12									8,9	A2.108				DHCQ 17
97	3DL317 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(224)_01_DA	60	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
98	3DL317 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(224)_02_DA	60	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
99	3DL343 DH	1	Đồ án Máy công cụ(224)_01_DA	47	0	DA		24/02-08/06/25	15													DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
100	4DL204 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_111	23	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
101	4DL232 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_18C	41	0	DA		30/12-16/03/25	11													DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
102	4DL232 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_02_DA	41	0	DA		17/03-11/05/25	8													DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
103	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(224)_01	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3	3,4	A2.103											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12	3,4	A2.103												DHCQ 16
104	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(224)_02	45	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3					8,9	A2.105							DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12					8,9	A2.105								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
105	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(224)_03	45	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3					6,7	A2.105							DHOTOCK16A 3	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12					6,7	A2.105								DHCQ 16
106	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(224)_01	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.102							DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.102								DHCQ 16
107	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(224)_02	45	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3	8,9	A2.105											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12	8,9	A2.105												DHCQ 16
108	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(224)_03	45	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3	6,7	A2.105											DHOTOCK16A 3	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12	6,7	A2.105												DHCQ 16
109	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(224)_04	55	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3											3,4	A2.105	DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12											3,4	A2.211		DHCQ 16
110	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(224)_05	50	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3									1,2	A2.103			DHOTOCK16A 5	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12									1,2	A2.103				DHCQ 16
111	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(224)_06	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.108					DHOTOCK16A 6	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.108						DHCQ 16
112	4DL126 DH	3	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô(224)_01	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3									3,4,5	A2.108			DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12									3,4,5	A2.108				DHCQ 17
113	4DL126 DH	3	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô(224)_02	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	30/12-19/01/25	3							8,9,10	A2.108					DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn VănĐại	10/02-04/05/25	12							8,9,10	A2.108						DHCQ 17
114	4DL111 DH	2	Kết cấu động cơ đốt trong(224)_01	55	0	LT	Dương Xuân Mỹ	24/02-08/06/25	15					8,9	A2.211							DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
115	4DL111 DH	2	Kết cấu động cơ đốt trong(224)_02	55	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	24/02-08/06/25	15							6,7	A2.310					DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
116	4DL111 DH	2	Kết cấu động cơ đốt trong(224)_03	55	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	24/02-08/06/25	15							8,9	A2.102					DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
117	4DL111 DH	2	Kết cấu động cơ đốt trong(224)_04	60	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	24/02-08/06/25	15					1,2	A2.101							DHOTOCK18A 4	DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
118	4DL111 DH	2	Kết cấu động cơ đốt trong(224)_05	60	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	24/02-08/06/25	15					3,4	A2.104							DHOTOCK18A5	DHCQ 18
119	3DL144 DH	2	Ma sát - mài mòn - bôi trơn (+ thí nghiệm)(224)_01	40	0	LT	Phạm Minh Tâm	30/12-19/01/25	3			8,9	A2.102									Ghép: DHKCKCK16A1 + DHKCKCK17A1	DHCQ 16
							Phạm Minh Tâm	10/02-04/05/25	12			8,9	A2.102										DHCQ 16
120	3DL142 DH	3	Máy công cụ(224)_01	47	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	24/02-08/06/25	15							3,4,5	A2.102					DHKCKCK18A1	DHCQ 18
121	3DL150 DC	2	Máy nâng chuyển(224)_01	36	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.102					DHKCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Bình	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.102						DHCQ 17
122	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_01	22	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.209			DHSPNCK19A1	DHCQ 19
123	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_02	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15					1,2	A2.106							DHOTOCK19A1	DHCQ 19
124	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_03	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.107											DHOTOCK19A2	DHCQ 19
125	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_04	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.312					DHOTOCK19A3	DHCQ 19
126	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_05	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.106			DHOTOCK19A4	DHCQ 19
127	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_06	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15			8,9	A2.107									DHOTOCK19A5	DHCQ 19
128	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(224)_07	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	10/02-25/05/25	15			6,7	A2.312									DHOTOCK19A6	DHCQ 19
129	4DL101 DH	2	Quản lý Bảo trì công nghiệp(224)_01	36	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	30/12-19/01/25	3	6,7	A2.102											DHKCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Bình	10/02-04/05/25	12	6,7	A2.102												DHCQ 17
130	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điển hình 1(224)_01_TH	24	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.SC.T BCK C											DHKCKCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu					6,7,8,9	X.SC.T BCK C										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu							6,7,8,9	X.SC.T BCK C								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu									6,7,8,9	X.SC.T BCK C						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu											6,7,8,9	X.SC.T BCK C				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
131	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điển hình 1(224)_02_TH	24	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	26/05-15/06/25	3	6,7,8,9	X.SC.T BCK B											DHKCKCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.T BCK B										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.T BCK B								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.T BCK B						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.T BCK B				DHCQ 18
132	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(224)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK C											DHKCKCK16A1	DHCQ 16
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T BCK C										DHCQ 16
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T BCK C								DHCQ 16
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T BCK C						DHCQ 16
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T BCK C				DHCQ 16
133	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(224)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK C											DHKCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.T BCK C										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.T BCK C								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.T BCK C						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.T BCK C				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
134	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(224)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK C											DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.T BCK C										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.T BCK C								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.T BCK C						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.T BCK C				DHCQ 17
135	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(224)_01	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/12-19/01/25	3					3,4	A2.108							DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Dương Xuân Mỹ	10/02-04/05/25	12					3,4	A2.108								DHCQ 17
136	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(224)_02	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/12-19/01/25	3					6,7	A2.108							DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Dương Xuân Mỹ	10/02-04/05/25	12					6,7	A2.108								DHCQ 17
137	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(224)_01	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/12-19/01/25	3	3,4	A2.108											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Dương Xuân Mỹ	10/02-04/05/25	12	3,4	A2.108												DHCQ 17
138	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(224)_02	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/12-19/01/25	3									6,7	A2.105			DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Dương Xuân Mỹ	10/02-04/05/25	12									6,7	A2.105				DHCQ 17
139	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(224)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.SC.T L-KN C												DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan					6,7,8,9	X.SC.T L-KN C										DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan							6,7,8,9	X.SC.T L-KN C								DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan									6,7,8,9	X.SC.T L-KN C						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hồng Ngoan												6,7,8,9	X.SC.TL-KNC				DHCQ17
140	4DL222DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(224)_02_TH	22	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	X.SC.TL-KNC												DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.TL-KNC										DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.TL-KNC								DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.TL-KNC						DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.TL-KNC				DHCQ17
141	4DL222DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(224)_03_TH	22	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	X.SC.TL-KNC												DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan					6,7,8,9	X.SC.TL-KNC										DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan							6,7,8,9	X.SC.TL-KNC								DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan									6,7,8,9	X.SC.TL-KNC						DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan											6,7,8,9	X.SC.TL-KNC				DHCQ17
142	4DL222DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(224)_04_TH	22	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.SC.TL-KNC												DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.SC.TL-KNC										DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.SC.TL-KNC								DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.SC.TL-KNC						DHCQ17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.SC.TL-KNC				DHCQ17
143	4DL222DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(224)_05_TH	22	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.SC.TL-KNC												DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.TL-KNC										DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.TL-KNC								DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.TL-KNC						DHCQ17
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.TL-KNC				DHCQ17
144	4DL222DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(224)_06_TH	22	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	X.SC.TL-KNC												DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.SC.TL-KNC										DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.SC.TL-KNC								DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.SC.TL-KNC						DHCQ17
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.SC.TL-KNC				DHCQ17
145	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_01_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	X.NGUOI CBA											DHKCKCK19A1	DHCQ19
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.NGUOI CBA										DHCQ19
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.NGUOI CBA								DHCQ19
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.NGUOI CBA						DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.NGUOI CBA				DHCQ19
146	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_01_TH_19E	22	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	X.NGUOI CBA												DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.NGUOI CBA										DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.NGUOI CBA								DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.NGUOI CBA						DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.NGUOI CBA				DHCQ19
147	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	X.NGUOI CBA											DHKCKCK19A1	DHCQ19
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.NGUOI CBA										DHCQ19
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.NGUOI CBA								DHCQ19
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.NGUOI CBA						DHCQ19
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.NGUOI CBA				DHCQ19
148	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_02_TH_118	22	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	X.NGUOI CBA												DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.NGUOI CBA										DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.NGUOI CBA								DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.NGUOI CBA						DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.NGUOI CB A				DHCQ19
149	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	X.NGUOI CB B											DHKCKCK19A1	DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.NGUOI CB B										DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.NGUOI CB B								DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.NGUOI CB B						DHCQ19
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.NGUOI CB B				DHCQ19
150	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_03_TH_17C	22	0	TH	Trần Xuân Sơn	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	X.NGUOI CB A												DHCQ19
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.NGUOI CB A										DHCQ19
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.NGUOI CB A								DHCQ19
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.NGUOI CB A						DHCQ19
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.NGUOI CB A				DHCQ19
151	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_04_TH	22	0	TH	Trần Xuân Sơn	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	X.NGUOI CB A												DHCQ19
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.NGUOI CB A										DHCQ19
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.NGUOI CB A								DHCQ19
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.NGUOI CB A						DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.NGUOI CBA				DHCQ19
152	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_05_TH	22	0	TH	Trần Xuân Sơn	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	X.NGUOI CBA												DHCQ19
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.NGUOI CBA										DHCQ19
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.NGUOI CBA								DHCQ19
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.NGUOI CBA						DHCQ19
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.NGUOI CBA				DHCQ19
153	4DL201DH	2	Thực tập Nguội(224)_06_TH	22	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	X.NGUOI CBA												DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan					6,7,8,9	X.NGUOI CBA										DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan							6,7,8,9	X.NGUOI CBA								DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan									6,7,8,9	X.NGUOI CBA						DHCQ19
							Nguyễn Hồng Ngoan											6,7,8,9	X.NGUOI CBA				DHCQ19
										6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)3												DHCQ17
										1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)3												DHCQ17
												6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)3										DHCQ17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
154	5DL259 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_01_TH	130	0	TH		17/02-13/04/25	8			1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)3										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)3								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)3								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)3						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)3						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KCK)3				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KCK)3				DHCQ 17
155	4DL259 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_03_TH	5	0	TH		10/02-20/04/25	10	6,7,8,9													DHCQ 15
										1,2,3,4													DHCQ 15
												1,2,3,4											DHCQ 15
												6,7,8,9											DHCQ 15
														6,7,8,9									DHCQ 15
														1,2,3,4									DHCQ 15
																6,7,8,9							DHCQ 15
																1,2,3,4							DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		6,7,8,9					DHCQ 15
																		1,2,3,4					DHCQ 15
156	5DL260 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(224)_01_TH	130	0	TH		14/04-08/06/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2												DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2										DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2										DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2								DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2								DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2						DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
157	4DL260 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(224)_03_TH	5	0	TH		21/04-29/06/25	10	6,7,8,9													DHCQ 15
										1,2,3,4													DHCQ 15
												6,7,8,9											DHCQ 15
												1,2,3,4											DHCQ 15
														6,7,8,9									DHCQ 15
														1,2,3,4									DHCQ 15
																6,7,8,9							DHCQ 15
																1,2,3,4							DHCQ 15
																		6,7,8,9					DHCQ 15
																		1,2,3,4					DHCQ 15
158	4DL233 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_19E	57	0	DA		30/12-16/03/25	11													DHOTOCK16A4	DHCQ 16
159	4DL205 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_1D4	11	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHKCKCK16A1	DHCQ 16
160	4DL233 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_02_DA	57	0	DA		17/03-11/05/25	8													DHOTOCK16A4	DHCQ 16
161	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(224)_01	60	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	30/12-19/01/25	3					3,4	A2.210							DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoạn	10/02-04/05/25	12					3,4	A2.210								DHCQ 17
162	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(224)_02	47	0	LT	Lương Văn Chiến	24/02-08/06/25	15	1,2	A2.203											DHKCKCK18A1	DHCQ 18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Điện

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DN101CD	3	Cơ sở kỹ thuật điện(224)_01	50	0	LT	Võ Tiến Dũng	10/02-25/05/25	15	6,7,8	A2.401											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
2	3DN101CD	3	Cơ sở kỹ thuật điện(224)_02	60	0	LT	Võ Tiến Dũng	10/02-25/05/25	15	3,4,5	A2.401											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
3	3DN203CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_19_TH	18	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4-103											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	A4-103										CDCQ 50
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	A4-103								CDCQ 50
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	A4-103						CDCQ 50
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	A4-103				CDCQ 50
4	3DN203CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_20_TH	18	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	26/05-15/06/25	3	1,2,3,4	A4-103											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A4-103										CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A4-103								CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A4-103						CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A4-103				CDCQ 50
5	3DN203CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_21_TH	18	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4-102											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn					6,7,8,9	A4-102										CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn							11,12,13,14	A4-102								CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn									6,7,8,9	A4-102						CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn											6,7,8,9	A4-102				CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn			6,7,8,9	A4-102												CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn					6,7,8,9	A4-102										CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
6	3DN203CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_22_TH	18	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	14/04-04/05/25	3					11,12,13,14	A4-102							CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn									6,7,8,9	A4-102						CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn											6,7,8,9	A4-102				CDCQ 50
7	3DN203CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_23_TH	18	0	TH	Hà Quốc Tuấn	26/05-15/06/25	3	6,7,8,9	A4-103											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				CDCQ 50
8	3DN205CD	2	Lập trình PLC cơ bản(224)_02_TH	18	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A3-108											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-108										CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 50
9	3DN205CD	2	Lập trình PLC cơ bản(224)_03_TH	18	0	TH	Trần Thu Trà	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	A3-108											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-108										CDCQ 50
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 50
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 50
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 50
							Bùi ThanhHòa			6,7,8,9	A3-108												CDCQ 50
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	A3-108										CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	3DN205CD	2	Lập trình PLC cơ bản(224)_04_TH	18	0	TH	Bùi ThanhHòa	10/02-02/03/25	3					6,7,8,9	A3-108							CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	A3-108						CDCQ 50
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	A3-108				CDCQ 50
11	3DN205CD	2	Lập trình PLC cơ bản(224)_05_TH	18	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A3-108											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-108										CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							6,7,8,9	A3-108								CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-108						CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-108				CDCQ 50
12	3DN205CD	2	Lập trình PLC cơ bản(224)_06_TH	18	0	TH	Nguyễn Văn Minh	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A3-108											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A3-108										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A3-108								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A3-108						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A3-108				CDCQ 50
13	3DN214CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(224)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Minh	26/05-15/06/25	3	6,7,8,9	A4-102											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A4-102										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A4-102								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A4-102						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A4-102				CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng			11,12,13,14	A4-102												CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng					11,12,13,14	A4-102										CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	3DN214CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(224)_02_TH	20	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	05/05-25/05/25	3					11,12,13,14	A4-102							CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng									11,12,13,14	A4-102						CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng											11,12,13,14	A4-102				CDCQ 50
15	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_10_TH	18	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4-302											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				CDCQ 50
16	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_11_TH	18	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	26/05-15/06/25	3	1,2,3,4	A4-302											CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						CDCQ 50
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				CDCQ 50
17	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_13_TH	18	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4-303											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-303										CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-303								CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-303						CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-303				CDCQ 50
18	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_14_TH	18	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	A4-303											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-303										CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-303								CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-303						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-303				CDCQ 50
19	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_15_TH	18	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	26/05-15/06/25	3	6,7,8,9	A4-303											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-303										CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-303								CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-303						CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-303				CDCQ 50
20	3DN218CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_01_TH_1FA	41	0	TH		10/02-20/04/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2											CDDCNCK49A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2								CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2						CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2						CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2				CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2				CDCQ 49
21	3DN218CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_02_TH	25	0	TH		10/02-20/04/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1											CDDDTCK49A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1								CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1						CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1						CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1				CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1				CDCQ 49
22	3DN218CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_03_TH	19	0	TH		10/02-20/04/25	10	1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1											CDTDHCK49A1	CDCQ 49
										6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1												CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1										CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1								CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1						CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1						CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1				CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1				CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(224)_01_TH_1B4	41	0	TH		21/04-27/07/25	14	6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2											CDDCNCK49A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2												CDCQ 49
												6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2										CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2								CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2						CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2						CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)2				CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)2				CDCQ 49
										6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1												CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	3DN219CD	14	Thực tập tốt nghiệp(224)_02_TH	25	0	TH		21/04-27/07/25	14	1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1											CDDDTCK49A1	CDCQ49
												6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1										CDCQ49
												1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1										CDCQ49
														1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1								CDCQ49
														6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1								CDCQ49
																1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1						CDCQ49
																6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1						CDCQ49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DDT)1				CDCQ49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DDT)1				CDCQ49
										1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1												CDCQ49
										6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1												CDCQ49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(224)_03_TH	19	0	TH		21/04-27/07/25	14			6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1									CDTDHCK49A1	CDCQ 49
												1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1										CDCQ 49
														1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1								CDCQ 49
														6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1								CDCQ 49
																6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1						CDCQ 49
																1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1						CDCQ 49
																		1,2,3,4	Thực tập TN(TDH)1				CDCQ 49
																		6,7,8,9	Thực tập TN(TDH)1				CDCQ 49
26	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(224)_01	50	0	LT	Đặng Quang Khoa	10/02-25/05/25	15									9,10	A2.104			CDDDTCK50A1	CDCQ 50
27	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(224)_02	60	0	LT	Đặng Quang Khoa	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.401											CDDCNCK50A1	CDCQ 50
1	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(224)_01	57	0	LT	Nguyễn Minh Thư	23/12-19/01/25	4	9,10	A2.212											DHDDTCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Minh Thư	10/02-27/04/25	11	9,10	A2.212												DHCQ 18
2	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(224)_02	40	0	LT	Trần Duy Trinh	23/12-19/01/25	4					1,2	A2.212							DHDDTCK18A2	DHCQ 18
							Trần Duy Trinh	10/02-27/04/25	11					1,2	A2.212								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(224)_03	43	0	LT	Trần Duy Trinh	23/12-19/01/25	4			1,2	A2.301									DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
							Trần Duy Trinh	10/02-27/04/25	11			1,2	A2.301										DHCQ 18
4	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(224)_04	60	0	LT	Trần Duy Trinh	23/12-19/01/25	4							1,2	A2.304					DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
							Trần Duy Trinh	10/02-27/04/25	11							1,2	A2.304						DHCQ 18
5	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(224)_05	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	23/12-19/01/25	4							6,7	A2.309					DHTDHCK18A 2	DHCQ 18
							Nguyễn Minh Thư	10/02-27/04/25	11							6,7	A2.309						DHCQ 18
6	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(224)_06	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	23/12-19/01/25	4							8,9	A2.310					DHTDHCK18A 3	DHCQ 18
							Nguyễn Minh Thư	10/02-27/04/25	11							8,9	A2.310						DHCQ 18
7	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(224)_01	60	0	LT	Võ Tiến Dũng	30/12-19/01/25	3							8,9	A2.103					DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
							Võ Tiến Dũng	10/02-04/05/25	12							8,9	A2.103						DHCQ 17
8	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(224)_02	50	0	LT	Võ Tiến Trung	30/12-19/01/25	3							3,4	A2.103					DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
							Võ Tiến Trung	10/02-04/05/25	12							3,4	A2.103						DHCQ 17
9	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(224)_03	50	0	LT	Võ Tiến Dũng	30/12-19/01/25	3	1,2	A2.105											DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
							Võ Tiến Dũng	10/02-04/05/25	12	1,2	A2.105												DHCQ 17
10	3DN105 DC	2	Điều khiển lập trình PLC(224)_01	47	0	LT	Lê Minh Tân	24/02-08/06/25	15									1,2	A2.203			DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
11	4DN168 DH	2	Điều khiển lập trình PLC (+BTL)(224)_01	60	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	30/12-19/01/25	3									4,5	A2.311			DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
							Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-04/05/25	12									4,5	A2.311				DHCQ 17
12	4DN168 DH	2	Điều khiển lập trình PLC (+BTL)(224)_02	40	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	30/12-19/01/25	3									6,7	A2.304			DHDDTCK17(DCN)2	DHCQ 17
							Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-04/05/25	12									6,7	A2.304				DHCQ 17
13	4DN168 DH	2	Điều khiển lập trình PLC (+BTL)(224)_03	45	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	30/12-19/01/25	3									8,9	A2.210			DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
							Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-04/05/25	12									8,9	A2.210				DHCQ 17
14	3DN123	2	Điều khiển quá	60	0	LT	Bùi ThanhHòa	30/12-19/01/25	3											6,7	A2.103	DHTDHCK17A	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	DH	2	trình(224)_01	60	0	LT	Bùi ThanhHòa	10/02-04/05/25	12											6,7	A2.103	1	DHCQ 17
15	3DN123 DH	2	Điều khiển quá trình(224)_02	50	0	LT	Bùi ThanhHòa	30/12-19/01/25	3					3,4	A2.302							DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa	10/02-04/05/25	12					3,4	A2.302								DHCQ 17
16	3DN123 DH	2	Điều khiển quá trình(224)_03	50	0	LT	Bùi ThanhHòa	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.105							DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.105								DHCQ 17
17	4DN311 DH	1	Đồ án hệ thống điều khiển và tự động hóa(224)_01_DA	60	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
18	4DN311 DH	1	Đồ án hệ thống điều khiển và tự động hóa(224)_02_DA	50	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
19	4DN311 DH	1	Đồ án hệ thống điều khiển và tự động hóa(224)_03_DA	50	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
20	4DN368 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển công nghiệp(224)_01_DA	60	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
21	4DN368 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển công nghiệp(224)_02_DA	40	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHDDTCK17(DCN)2	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
22	4DN368 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển công nghiệp(224)_03_DA	45	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
23	4DN229 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA	29	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHDDTCK16(DCN)	DHCQ 16
24	4DN230 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_1B6	65	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
25	3DN230 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_1D1	1	0	DA		30/12-04/05/25	18														DHCQ 14
							Phạm VănTuấn			11,12,13,14	A3-308												DHCQ 18
							Phạm VănTuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
26	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_01_TH	20	0	TH	Phạm VănTuấn	10/02-02/03/25	3					6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Phạm VănTuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Phạm VănTuấn											6,7,8,9	A3-308				DHCQ 18
27	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_02_TH	20	0	TH	Phạm VănTuấn	24/03-13/04/25	3	11,12,13,14	A3-308												DHCQ 18
							Phạm VănTuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18
							Phạm VănTuấn							6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Phạm VănTuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Phạm VănTuấn											6,7,8,9	A3-308				DHCQ 18
28	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_03_TH	20	0	TH	Phạm VănTuấn	30/12-19/01/25	3	11,12,13,14	A3-308												DHCQ 18
							Phạm VănTuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18
							Phạm VănTuấn							6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Phạm VănTuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Phạm VănTuấn											6,7,8,9	A3-308				DHCQ 18
29	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_04_TH	20	0	TH	Phạm VănTuấn	03/03-23/03/25	3	11,12,13,14	A3-308												DHCQ 18
							Phạm VănTuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18
							Phạm VănTuấn							6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Phạm VănTuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Phạm VănTuấn											6,7,8,9	A3-308				DHCQ 18
30	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_05_TH	20	0	TH	Nguyễn VănĐộ	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ					1,2,3,4	A3-308										DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ									11,12,13,14	A3-308						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
31	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_06_TH	20	0	TH	Nguyễn VănĐộ	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ					1,2,3,4	A3-308										DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ									11,12,13,14	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
32	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(224)_07_TH	20	0	TH	Nguyễn VănĐộ	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ					1,2,3,4	A3-308										DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ									11,12,13,14	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
33	2DN102 DC	2	Khí cụ điện(224)_01	60	0	LT	Phạm VănTuấn	23/12-19/01/25	4									1,2	A2.304			DHTDHCK18A1	DHCQ 18
							Phạm VănTuấn	10/02-27/04/25	11									1,2	A2.304				DHCQ 18
34	2DN102 DC	2	Khí cụ điện(224)_02	45	0	LT	Phạm VănTuấn	23/12-19/01/25	4	6,7	A2.310											DHTDHCK18A2	DHCQ 18
							Phạm VănTuấn	10/02-27/04/25	11	6,7	A2.310												DHCQ 18
35	2DN102 DC	2	Khí cụ điện(224)_03	45	0	LT	Phạm VănTuấn	23/12-19/01/25	4	8,9	A2.310											DHTDHCK18A3	DHCQ 18
							Phạm VănTuấn	10/02-27/04/25	11	8,9	A2.310												DHCQ 18
36	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(224)_01	50	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	30/12-19/01/25	3							1,2	A2.103					DHTDHCK17A2	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/02-04/05/25	12							1,2	A2.103						DHCQ 17
37	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(224)_02	60	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.103					DHTDHCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.103						DHCQ 17
38	3DN108	2	Kỹ thuật an toàn	50	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	30/12-19/01/25	3							3,4	A2.105					DHTDHCK17A	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
38	DH	2	điện(224)_03	50	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/02-04/05/25	12							3,4	A2.105					3	DHCQ 17
39	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(224)_04	57	0	LT	Đặng Quang Khoa	23/12-19/01/25	4									6,7	A2.212			DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa	10/02-27/04/25	11									6,7	A2.212				DHCQ 18
40	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(224)_05	40	0	LT	Đặng Quang Khoa	23/12-19/01/25	4			1,2	A2.212									DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa	10/02-27/04/25	11			1,2	A2.212										DHCQ 18
41	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(224)_06	43	0	LT	Đặng Quang Khoa	23/12-19/01/25	4			3,4	A2.301									DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa	10/02-27/04/25	11			3,4	A2.301										DHCQ 18
42	4DN113 DH	2	Kỹ thuật cao áp(224)_01	40	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	23/12-19/01/25	4											3,4	A2.108	DHDDTCK18(HTD)	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/02-27/04/25	11											3,4	A2.108		DHCQ 18
43	4DN178 DH	3	Kỹ thuật chiếu sáng(224)_01	60	0	LT	Nguyễn VănĐộ	30/12-19/01/25	3							1,2,3	A2.311					DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ	10/02-04/05/25	12							1,2,3	A2.311						DHCQ 17
44	4DN178 DH	3	Kỹ thuật chiếu sáng(224)_02	40	0	LT	Nguyễn VănĐộ	30/12-19/01/25	3			6,7,8	A2.304									DHDDTCK17(DCN)2	DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ	10/02-04/05/25	12			6,7,8	A2.304										DHCQ 17
45	4DN178 DH	3	Kỹ thuật chiếu sáng(224)_03	45	0	LT	Nguyễn VănĐộ	30/12-19/01/25	3					8,9,10	A2.210							DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ	10/02-04/05/25	12					8,9,10	A2.210								DHCQ 17
46	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_01	33	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	30/12-19/01/25	3			3,4,5	A2.211									DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Dương Thị TuyếtMai	10/02-04/05/25	12			3,4,5	A2.211										DHCQ 17
47	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_02	52	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	30/12-19/01/25	3			6,7,8	A2.211									DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Dương Thị TuyếtMai	10/02-04/05/25	12			6,7,8	A2.211										DHCQ 17
48	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_03	57	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	10/02-25/05/25	15							1,2,3	A2.209					Ghép: DHCDTCK19A 1 + DHKTMCK19 A1 + DHKTNCK19A 1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
49	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_04	66	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	10/02-25/05/25	15	1,2,3	A2.104											DHDDTCK19A1	DHCQ 19
50	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_05	60	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/02-25/05/25	15									6,7,8	A2.104			DHDDTCK19A2	DHCQ 19
51	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_06	60	0	LT	Hồ Xuân Bằng	10/02-25/05/25	15							6,7,8	A2.203					DHDDTCK19A3	DHCQ 19
52	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_07	48	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/02-25/05/25	15			6,7,8	A2.104									DHTDHCK19A1	DHCQ 19
53	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_08	48	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/02-25/05/25	15							6,7,8	A2.101					DHTDHCK19A2	DHCQ 19
54	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_09	60	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	10/02-25/05/25	15					1,2,3	A2.204							DHTDHCK19A3	DHCQ 19
55	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(224)_10	60	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	10/02-25/05/25	15									1,2,3	A2.209			DHTDHCK19A4	DHCQ 19
56	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(224)_01	48	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-25/05/25	15											8,9	A2.101	DHTDHCK19A1	DHCQ 19
57	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(224)_02	48	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-25/05/25	15											6,7	A2.309	DHTDHCK19A2	DHCQ 19
58	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(224)_03	60	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.204											DHTDHCK19A3	DHCQ 19
59	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(224)_04	60	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-25/05/25	15	3,4	A2.209											DHTDHCK19A4	DHCQ 19
60	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(224)_01_TH	24	0	TH	Ngô ThịLê	10/02-01/03/25	3	1,2,3,4	11T-403												DHCQ 16
							Ngô ThịLê					1,2,3,4	11T-403										DHCQ 16
							Ngô ThịLê							1,2,3,4	11T-403								DHCQ 16
							Ngô ThịLê									1,2,3,4	11T-403						DHCQ 16
							Ngô ThịLê											1,2,3,4	11T-403				DHCQ 16
61	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(224)_02_TH	24	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/04-03/05/25	3	1,2,3,4	11T-403												DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	11T-403										DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	11T-403								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	11T-403						DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	11T-403				DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình			1,2,3,4	11T-403												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
62	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(224)_03_TH	24	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	05/05-24/05/25	3			1,2,3,4	11T-403										DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	11T-403								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	11T-403						DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	11T-403				DHCQ 16
63	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(224)_04_TH	24	0	TH	Ngô ThịLê	10/02-01/03/25	3	6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16
							Ngô ThịLê					6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Ngô ThịLê							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Ngô ThịLê									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Ngô ThịLê											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
64	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(224)_05_TH	24	0	TH	Bùi ThanhHòa	05/05-24/05/25	3	6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
65	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(224)_06_TH	24	0	TH	Ngô ThịLê	30/12-18/01/25	3	6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16
							Ngô ThịLê					6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Ngô ThịLê							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Ngô ThịLê									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Ngô ThịLê											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
66	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_01_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					6,7,8,9	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			năng(224)_01_TH				Trần Thu Trà									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
67	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_02_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					6,7,8,9	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
68	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_03_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					6,7,8,9	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
69	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_04_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				DHCQ 18
70	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_05_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
71	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_06_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				DHCQ 18
72	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224)_07_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				DHCQ 18
73	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(224)_01_TH	21	0	TH	Nguyễn Đình Thư	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.109												DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư					6,7,8,9	A4.109										DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư							6,7,8,9	A4.109								DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư									6,7,8,9	A4.109						DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư											6,7,8,9	A4.109				DHCQ 16
74	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(224)_02_TH	21	0	TH	Nguyễn Đình Thư	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A4.109												DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư					6,7,8,9	A4.109										DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư							6,7,8,9	A4.109								DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư									6,7,8,9	A4.109						DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư											6,7,8,9	A4.109				DHCQ 16
			Lắp đặt mạch điện các				Nguyễn Đình Thư			6,7,8,9	A4.109												DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư					6,7,8,9	A4.109										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
75	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(224)_03_TH	21	0	TH	Nguyễn Đình Thư	14/04-04/05/25	3					6,7,8,9	A4.109								DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư									6,7,8,9	A4.109						DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư											6,7,8,9	A4.109				DHCQ 16
76	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(224)_04_TH	21	0	TH	Nguyễn Đình Thư	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.109												DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.109										DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.109								DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.109						DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư											11,12,13,14	A4.109				DHCQ 16
77	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(224)_05_TH	21	0	TH	Nguyễn Đình Thư	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4.109												DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.109										DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.109								DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.109						DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư											11,12,13,14	A4.109				DHCQ 16
78	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(224)_06_TH	21	0	TH	Nguyễn Đình Thư	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4.109												DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.109										DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.109								DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.109						DHCQ 16
							Nguyễn Đình Thư											11,12,13,14	A4.109				DHCQ 16
79	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_01_TH	27	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4-102												DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn					6,7,8,9	A4-102										DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn							11,12,13,14	A4-102								DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn									6,7,8,9	A4-102						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Anh Tuấn											6,7,8,9	A4-102				DHCQ 19
80	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_02_TH	27	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4-102												DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn					6,7,8,9	A4-102										DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn							11,12,13,14	A4-102								DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn									6,7,8,9	A4-102						DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn											6,7,8,9	A4-102				DHCQ 19
81	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_03_TH	27	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	A4-102												DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn					6,7,8,9	A4-102										DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn							11,12,13,14	A4-103								DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn									6,7,8,9	A4-102						DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn											6,7,8,9	A4-102				DHCQ 19
82	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_04_TH	27	0	TH	Vũ Anh Tuấn	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 19
83	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_05_TH	27	0	TH	Vũ Anh Tuấn	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
84	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_06_TH	27	0	TH	Nguyễn Minh Thư	24/03-13/04/25	3					1,2,3,4	A4-102								DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư													1,2,3,4	A4-102		DHCQ 19
85	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_07_TH	27	0	TH	Vũ Anh Tuấn	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 19
86	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_08_TH	27	0	TH	Vũ Anh Tuấn	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 19
							Vũ Anh Tuấn											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 19
87	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_09_TH	24	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 19
88	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_10_TH	24	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			le, công tắc tơ(224)_10_TH				Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 19
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 19
89	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_11_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 19
90	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_12_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 19
91	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_13_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				DHCQ 19
92	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_14_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
93	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_15_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				DHCQ 19
94	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_16_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				DHCQ 19
95	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(224)_17_TH	24	0	TH	Hà Quốc Tuấn	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	A4-103												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				DHCQ 19
96	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(224)_01_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A4-101												DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-101										DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-101								DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-101						DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-101				DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng			6,7,8,9	A4-101												DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-101										DHCQ 16
			Lắp đặt mạch điện điều																				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
97	3DN209 CD	2	khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(224)_02_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	10/02-02/03/25	3					6,7,8,9	A4-101								DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-101						DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-101				DHCQ 16
98	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(224)_03_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4-101												DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-101										DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-101								DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-101						DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-101				DHCQ 16
99	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(224)_04_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
100	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(224)_05_TH	21	0	TH	Võ Tiến Dũng	10/02-02/03/25	3	11,12,13,14	A4-101												DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
101	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(224)_06_TH	21	0	TH	Võ Tiến Dũng	24/03-13/04/25	3	11,12,13,14	A4-101												DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
102	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(224)_01_TH	24	0	TH	Bùi ThanhHòa	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	11T-403												DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa					1,2,3,4	11T-403										DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa									1,2,3,4	11T-403						DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa											1,2,3,4	11T-403				DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa													1,2,3,4	11T-403		DHCQ 16
103	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(224)_02_TH	24	0	TH	Ngô ThịLê	03/03-22/03/25	3	1,2,3,4	11T-403												DHCQ 16
							Ngô ThịLê					1,2,3,4	11T-403										DHCQ 16
							Ngô ThịLê							1,2,3,4	11T-403								DHCQ 16
							Ngô ThịLê									1,2,3,4	11T-403						DHCQ 16
							Ngô ThịLê											1,2,3,4	11T-403				DHCQ 16
104	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(224)_03_TH	24	0	TH	Bùi ThanhHòa	24/03-12/04/25	3	11,12,13,14	11T-403												DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa					11,12,13,14	11T-403										DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa							11,12,13,14	11T-403								DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa									11,12,13,14	11T-403						DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa											11,12,13,14	11T-403				DHCQ 16
105	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(224)_04_TH	24	0	TH	Ngô ThịLê	03/03-22/03/25	3	6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16
							Ngô ThịLê					6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Ngô ThịLê							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Ngô ThịLê									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Ngô ThịLê											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa			6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
106	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(224)_05_TH	24	0	TH	Bùi ThanhHòa	24/03-13/04/25	3			6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
107	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(224)_06_TH	24	0	TH	Bùi ThanhHòa	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
108	4DN214 DC	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(224)_01_TH	18	0	TH	Hà Quốc Tuấn	30/12-18/01/25	3	1,2,3,4	A4-102											DHKCKCK17A1	DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 17
109	4DN214 DC	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(224)_02_TH	18	0	TH	Nguyễn Văn Minh	30/12-18/01/25	3	1,2,3,4	A4-103											DHKCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 17
110	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_01_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A4-304								DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A4-304				DHCQ 19
111	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_02_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A4-304								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A4-304				DHCQ 19
112	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_03_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A4-304								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A4-304				DHCQ 19
113	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_04_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 19
114	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_05_TH	27	0	TH	Hà Quốc Tuấn	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4-202												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-202										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-202								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-202						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-202				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
115	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_06_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 19
116	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_07_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 19
117	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(224)_08_TH	27	0	TH	Nguyễn Văn Minh	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 19
118	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_01_TH	22	0	TH	Bùi Trung Tuyến	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến							6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến											6,7,8,9	A3-112				DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến			6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
119	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_02_TH	22	0	TH	Bùi Trung Tuyến	10/02-02/03/25	3					6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến											6,7,8,9	A3-112				DHCQ 18
120	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_03_TH	22	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn											11,12,13,14	A3-112				DHCQ 18
121	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_04_TH	22	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn											11,12,13,14	A3-112				DHCQ 18
122	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_05_TH	22	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A3-112								DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến			1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
123	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_06_TH	22	0	TH	Bùi Trung Tuyến	10/02-02/03/25	3					1,2,3,4	A3-112								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyến											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
124	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224)_07_TH	22	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A3-112								DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
125	1DN245 DH	3	Lắp đặt thiết bị tự động hóa và kết nối truyền thông(224)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	21/04-27/04/25	1					11,12	A3-111							DHCDTCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn									11,12,13,14	A3-111						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn											11,12,13,14	A3-111				DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn	28/04-25/05/25	4	11,12,13,14	A3-111												DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn					11,12,13,14	A3-111										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn							11,12,13,14	A3-111								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn											11,12,13,14	A3-111				DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh			1,2,3,4	A3-111												DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
126	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(224)_01_TH	24	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	14/04-03/05/25	3					1,2,3,4	A3-111								DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 16
127	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(224)_02_TH	24	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	05/05-24/05/25	3	1,2,3,4	A3-111												DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A3-111								DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 16
128	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(224)_03_TH	24	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A3-111												DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A3-111								DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 16
129	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(224)_04_TH	24	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A3-111												DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-111										DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-111								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			nghiệp(224)_04_TH				Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-111						DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn											11,12,13,14	A3-111				DHCQ 16
130	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(224)_05_TH	24	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	05/05-24/05/25	3	6,7,8,9	A3-111												DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-111										DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-111								DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-111						DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn											6,7,8,9	A3-111				DHCQ 16
131	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(224)_06_TH	24	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A3-111												DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-111										DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							6,7,8,9	A3-111								DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-111						DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-111				DHCQ 16
132	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_01_TH	21	0	TH	Nguyễn Thanh Long	10/02-01/03/25	3	11,12,13,14	A3-310												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					11,12,13,14	A3-310										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							11,12,13,14	A3-310								DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long									11,12,13,14	A3-310						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											11,12,13,14	A3-310				DHCQ 16
133	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_02_TH	21	0	TH	Nguyễn Thanh Long	05/05-24/05/25	3	6,7,8,9	A3-310												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					6,7,8,9	A3-310										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							6,7,8,9	A3-310								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thanh Long									6,7,8,9	A3-310						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											6,7,8,9	A3-310				DHCQ 16
134	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_03_TH	21	0	TH	Nguyễn Thanh Long	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A3-310												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					6,7,8,9	A3-310										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							6,7,8,9	A3-310								DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long									6,7,8,9	A3-310						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											6,7,8,9	A3-310				DHCQ 16
135	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_04_TH	21	0	TH	Bùi Trung Tuyến	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A3-310												DHCQ 16
							Bùi Trung Tuyến					1,2,3,4	A3-310										DHCQ 16
							Bùi Trung Tuyến							1,2,3,4	A3-310								DHCQ 16
							Bùi Trung Tuyến									1,2,3,4	A3-310						DHCQ 16
							Bùi Trung Tuyến											1,2,3,4	A3-310				DHCQ 16
136	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_05_TH	21	0	TH	Nguyễn VănĐộ	05/05-24/05/25	3	1,2,3,4	A3-310												DHCQ 16
							Nguyễn VănĐộ					1,2,3,4	A3-310										DHCQ 16
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-310								DHCQ 16
							Nguyễn VănĐộ									1,2,3,4	A3-310						DHCQ 16
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-310				DHCQ 16
137	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_06_TH	21	0	TH	Nguyễn Thanh Long	24/03-13/04/25	3	11,12,13,14	A3-310												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					11,12,13,14	A3-310										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							11,12,13,14	A3-310								DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long									11,12,13,14	A3-310						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											11,12,13,14	A3-310				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
138	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_07_TH	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A3-310												DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long					6,7,8,9	A3-310										DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long							6,7,8,9	A3-310								DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long									6,7,8,9	A3-310						DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long											6,7,8,9	A3-310				DHCQ 17
139	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_08_TH	22	0	TH	Bùi ThanhHòa	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A3-310												DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	A3-310										DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	A3-310								DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	A3-310						DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	A3-310				DHCQ 17
140	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_09_TH	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	14/04-04/05/25	3	11,12,13,14	A3-310												DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long					11,12,13,14	A3-310										DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long							11,12,13,14	A3-310								DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long									11,12,13,14	A3-310						DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long											11,12,13,14	A3-310				DHCQ 17
141	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_10_TH	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	03/03-22/03/25	3	1,2,3,4	A3-310												DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A3-310										DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A3-310								DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A3-310						DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-310				DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ			1,2,3,4	A3-310												DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ					1,2,3,4	A3-310										DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
142	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_11_TH	22	0	TH	Nguyễn VănĐộ	10/02-02/03/25	3					1,2,3,4	A3-310								DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-310				DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ													1,2,3,4	A3-310		DHCQ 17
143	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_12_TH	22	0	TH	Nguyễn VănĐộ	14/04-03/05/25	3	1,2,3,4	A3-310												DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ					1,2,3,4	A3-310										DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-310								DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-310				DHCQ 17
							Nguyễn VănĐộ													1,2,3,4	A3-310		DHCQ 17
144	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224)_13_TH	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	24/03-12/04/25	3	1,2,3,4	A3-310												DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A3-310										DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A3-310								DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A3-310						DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-310				DHCQ 17
145	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A4.307												DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân					6,7,8,9	A4.307										DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân							6,7,8,9	A4.307								DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân									6,7,8,9	A4.307						DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân											6,7,8,9	A4.307				DHCQ 17
146	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_02_TH	22	0	TH	Lê Hồng Lam	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.209												DHCQ 17
							Lê Hồng Lam					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 17
							Lê Hồng Lam							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 17
							Lê Hồng Lam									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Hồng Lam											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 17
147	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_03_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4.307												DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân					6,7,8,9	A4.307										DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân							6,7,8,9	A4.307								DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân									6,7,8,9	A4.307						DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân											6,7,8,9	A4.307				DHCQ 17
148	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_04_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A4.307												DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.307										DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.307						DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 17
149	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_05_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4.307												DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.307										DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.307						DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 17
150	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_06_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	14/04-03/05/25	3	1,2,3,4	A4.307												DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.307										DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.307						DHCQ 17
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh			1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
151	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_07_TH	22	0	TH	Bùi Xuân Vinh	24/03-12/04/25	3			1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
152	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_08_TH	22	0	TH	Bùi Xuân Vinh	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 18
153	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_09_TH	22	0	TH	Lê Hồng Lam	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A4.209												DHCQ 18
							Lê Hồng Lam					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 18
							Lê Hồng Lam							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 18
							Lê Hồng Lam									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 18
							Lê Hồng Lam											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 18
154	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_10_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.307												DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân					6,7,8,9	A4.307										DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân							6,7,8,9	A4.307								DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân									6,7,8,9	A4.307						DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân											6,7,8,9	A4.307				DHCQ 18
155	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_11_TH	22	0	TH	Lê Hồng Lam	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A4.209												DHCQ 18
							Lê Hồng Lam					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 18
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 18
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 18
156	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_12_TH	22	0	TH	Bùi Xuân Vinh	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 18
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 18
157	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_13_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.307												DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.307										DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.307						DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 18
158	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(224)_14_TH	22	0	TH	Nguyễn Minh Quân	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4.307												DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.307										DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.307						DHCQ 18
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 18
159	4DN140 DH	2	Robot công nghiệp(224)_01	60	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	30/12-19/01/25	3					8,9	A2.103							DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn	10/02-04/05/25	12					8,9	A2.103								DHCQ 17
160	4DN140 DH	2	Robot công nghiệp(224)_02	50	0	LT	Thái Hữu Nguyên	30/12-19/01/25	3	3,4	A2.302											DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
							Thái Hữu Nguyên	10/02-04/05/25	12	3,4	A2.302												DHCQ 17
161	4DN140	2	Robot công nghiệp(224)_03	65	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	30/12-19/01/25	3									1,2	A2.309			Ghép: DHKTMCK17 A1 +	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
161	DH	2	Robot công nghiệp(224)_03	65	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	10/02-04/05/25	12									1,2	A2.309			AT+ DHTDHCK17A3	DHCQ 17
162	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_01_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
163	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_02_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
164	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_03_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
165	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_04_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu			6,7,8,9	A4-302												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
166	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_05_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	10/02-02/03/25	3			6,7,8,9	A4-302										DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu							6,7,8,9	A4-302								DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu									6,7,8,9	A4-302						DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu											6,7,8,9	A4-302				DHCQ19
167	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_06_TH	24	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4-303												DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-303										DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-303								DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-303						DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-303				DHCQ19
168	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_07_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4-302												DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu					6,7,8,9	A4-302										DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu							6,7,8,9	A4-302								DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu									6,7,8,9	A4-302						DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu											6,7,8,9	A4-302				DHCQ19
169	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_08_TH	24	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	14/04-04/05/25	3	11,12,13,14	A4-303												DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng					11,12,13,14	A4-303										DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng							11,12,13,14	A4-303								DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng									11,12,13,14	A4-303						DHCQ19
							Hoàng Nghĩa Thắng											11,12,13,14	A4-303				DHCQ19
170	3DN202CD	2	Sửa chữa máy điện(224)_09_TH	24	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	A4-302												DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu					6,7,8,9	A4-302										DHCQ19
							Đào Thị Thu Hậu							6,7,8,9	A4-302								DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào Thị Thu Hậu									6,7,8,9	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											6,7,8,9	A4-302				DHCQ 19
171	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_01_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
172	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_02_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
173	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_03_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
174	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_04_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
175	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_05_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 17
176	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_06_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 17
177	3DN242 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(224)_07_TH	24	0	TH	Bùi Xuân Vinh	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 17
178	4DN231 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA	100	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHDDTCK16(DCN)	DHCQ 16
179	3DN231 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_140	1	0	DA		30/12-04/05/25	18														DHCQ 14
180	4DN245 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_16E	89	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHTDHCK16A1	DHCQ 16
181	3DN148 DH	2	Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ (+ Bài tập dài)(224)_01	40	0	LT	Võ Tiến Dũng	23/12-19/01/25	4											1,2	A2.108	DHDDTCK18(HTD)	DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng	10/02-27/04/25	11											1,2	A2.108		DHCQ 18
182	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(224)_01	60	0	LT	Nguyễn Minh Thư	30/12-19/01/25	3	3,4,5	A2.102											DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư	10/02-04/05/25	12	3,4,5	A2.102												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
183	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(224)_02	40	0	LT	Nguyễn Minh Thư	30/12-19/01/25	3	6,7,8	A2.304											DHDDTCK17(DCN)2	DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư	10/02-04/05/25	12	6,7,8	A2.304												DHCQ 17
184	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(224)_03	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	30/12-19/01/25	3			6,7,8	A2.210									DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư	10/02-04/05/25	12			6,7,8	A2.210										DHCQ 17
185	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(224)_01	60	0	LT	Trần Duy Trinh	30/12-19/01/25	3									1,2,3	A2.311			DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
							Trần Duy Trinh	10/02-04/05/25	12									1,2,3	A2.311				DHCQ 17
186	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(224)_02	40	0	LT	Trần Duy Trinh	30/12-19/01/25	3							6,7,8	A2.304					DHDDTCK17(DCN)2	DHCQ 17
							Trần Duy Trinh	10/02-04/05/25	12							6,7,8	A2.304						DHCQ 17
187	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(224)_03	45	0	LT	Trần Duy Trinh	30/12-19/01/25	3	6,7,8	A2.210											DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
							Trần Duy Trinh	10/02-04/05/25	12	6,7,8	A2.210												DHCQ 17
188	4DN157 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp(224)_01	60	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	30/12-19/01/25	3					6,7	A2.103							DHTDHCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn	10/02-04/05/25	12					6,7	A2.103								DHCQ 17
189	4DN157 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp(224)_02	50	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	30/12-19/01/25	3	1,2	A2.103											DHTDHCK17A2	DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn	10/02-04/05/25	12	1,2	A2.103												DHCQ 17
190	4DN157 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp(224)_03	50	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	30/12-19/01/25	3									3,4	A2.105			DHTDHCK17A3	DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn	10/02-04/05/25	12									3,4	A2.105				DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Điện tử

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DT104 CD	2	An toàn lao động và vật liệu điện lạnh(224)_01	30	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.302											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
2	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(224)_01_TH	25	0	TH	Hà Huy Công	05/05-15/06/25	6	1,2,3,4	A4.108											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.108										CDCQ 50
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.108								CDCQ 50
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.108						CDCQ 50
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.108				CDCQ 50
3	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(224)_01_TH	25	0	TH	Võ VănĐức	24/03-04/05/25	6	1,2,3,4	A4.309											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Võ VănĐức					1,2,3,4	A4.309										CDCQ 50
							Võ VănĐức							1,2,3,4	A4.309								CDCQ 50
							Võ VănĐức									1,2,3,4	A4.309						CDCQ 50
							Võ VănĐức											1,2,3,4	A4.309				CDCQ 50
4	3DT234 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(224)_01_TH_10F	23	0	TH		10/02-20/04/25	10	6,7,8,9	TTTN. MDK1											CDMDKCK49 A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	TTTN. MDK1												CDCQ 49
												6,7,8,9	TTTN. MDK1										CDCQ 49
												1,2,3,4	TTTN. MDK1										CDCQ 49
														6,7,8,9	TTTN. MDK1								CDCQ 49
														1,2,3,4	TTTN. MDK1								CDCQ 49
																6,7,8,9	TTTN. MDK1						CDCQ 49
																1,2,3,4	TTTN. MDK1						CDCQ 49
																		6,7,8,9	TTTN. MDK1				CDCQ 49
																		1,2,3,4	TTTN. MDK1				CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3DT235 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(224)_01_TH_1EA	23	0	TH		21/04-27/07/25	14	6,7,8,9	TTTN. MDK1											CDMDKCK49 A1	CDCQ 49
										1,2,3,4	TTTN. MDK1												CDCQ 49
												6,7,8,9	TTTN. MDK1										CDCQ 49
												1,2,3,4	TTTN. MDK1										CDCQ 49
														1,2,3,4	TTTN. MDK1								CDCQ 49
														6,7,8,9	TTTN. MDK1								CDCQ 49
																1,2,3,4	TTTN. MDK1						CDCQ 49
																6,7,8,9	TTTN. MDK1						CDCQ 49
																		1,2,3,4	TTTN. MDK1				CDCQ 49
																		6,7,8,9	TTTN. MDK1				CDCQ 49
1	3DT103 DH	2	Điện tử tương tự(224)_01	10	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15			3,4	A2.101									DHKTMCK19 A1	DHCQ 19
2	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_01	57	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	23/12-19/01/25	4							6,7	A2.212					DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
							Lê Thị Ngọc Hà	10/02-27/04/25	11							6,7	A2.212						DHCQ 18
3	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_02	40	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	23/12-19/01/25	4							1,2	A2.212					DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
							Lê Thị Ngọc Hà	10/02-27/04/25	11							1,2	A2.212						DHCQ 18
4	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_03	43	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	23/12-19/01/25	4							3,4	A2.301					DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
							Lê Thị Ngọc Hà	10/02-27/04/25	11							3,4	A2.301						DHCQ 18
5	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_04	48	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15			9,10	A2.104									DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
6	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_05	48	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15			6,7	A2.101									DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
7	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_06	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15	3,4	A2.204											DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
8	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(224)_07	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.209											DHTDHCK19A 4	DHCQ 19
9	4DT333	1	Đồ án Hệ thống	15	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHKTMCK17	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
9	DH	1	nhúng(224)_01_DA	15	0	DA		10/02-04/05/25	12													A1	DHCQ 17
10	4DT316 DH	1	Đồ án Hệ thống viễn thông(224)_01_DA	5	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
11	4DT224 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_109	8	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHDTVCK16A 1	DHCQ 16
12	4DT237 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_1C2	7	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHKTMCK16 A1	DHCQ 16
13	4DT308 DH	1	Đồ án Vi điều khiển(224)_01_DA	10	0	DA		23/12-19/01/25	4													DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
								10/02-27/04/25	11														DHCQ 18
14	3DT132 DH	3	Hệ thống nhúng(224)_01	15	0	LT	Lê VănBiên	30/12-19/01/25	3	1,2,3	A2.311											DHKTMCK17 A1	DHCQ 17
							Lê VănBiên	10/02-04/05/25	12	1,2,3	A2.311												DHCQ 17
15	3DT123 DH	2	Kỹ thuật chuyển mạch(224)_01	5	0	LT	Trần Thị Thương	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.207 (TA)							DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Trần Thị Thương	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.207 (TA)								DHCQ 17
16	3DT112 DH	2	Kỹ thuật truyền số liệu và mạng(224)_01	10	0	LT	Trần Thị Thương	23/12-19/01/25	4					6,7	A2.208 (TA)							DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Trần Thị Thương	10/02-27/04/25	11					6,7	A2.208 (TA)								DHCQ 18
17	3DT224 CD	4	Lắp đặt hệ thống lạnh cơ bản(224)_01_TH	25	0	TH	Võ VănĐức	14/04-25/05/25	6	6,7,8,9	A4.309											DHKTNCK19A 1	DHCQ 19
							Võ VănĐức					6,7,8,9	A4.309										DHCQ 19
							Võ VănĐức							6,7,8,9	A4.309								DHCQ 19
							Võ VănĐức									6,7,8,9	A4.309						DHCQ 19
							Võ VănĐức											6,7,8,9	A4.309				DHCQ 19
18	3DT204 CD	2	Lắp mạch cảm biến(224)_01_TH	10	0	TH	Hà Huy Công	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4.108											DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.108										DHCQ 18
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.108								DHCQ 18
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.108						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.108				DHCQ 18
19	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_01_TH	19	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.306											DHCDTCK19A 1	DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông							6,7,8,9	A4.306								DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				DHCQ 19
20	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_01_TH_188	27	0	TH	Lê Hồng Lam	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4.209												DHCQ 19
							Lê Hồng Lam					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 19
							Lê Hồng Lam							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 19
							Lê Hồng Lam									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 19
							Lê Hồng Lam											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 19
21	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_02_TH	27	0	TH	Võ VănĐức	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.309												DHCQ 19
							Võ VănĐức					6,7,8,9	A4.309										DHCQ 19
							Võ VănĐức							6,7,8,9	A4.309								DHCQ 19
							Võ VănĐức									6,7,8,9	A4.309						DHCQ 19
							Võ VănĐức											6,7,8,9	A4.309				DHCQ 19
22	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_03_TH	27	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4.306												DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông							6,7,8,9	A4.306								DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông			1,2,3,4	A4.306												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_04_TH	27	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	10/02-02/03/25	3			1,2,3,4	A4.306										DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4.306				DHCQ19
24	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_05_TH	27	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.306												DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4.306										DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4.306				DHCQ19
25	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_06_TH	27	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4.306												DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4.306										DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4.306				DHCQ19
26	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_07_TH	27	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A4.306												DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4.306										DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4.306				DHCQ19
27	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_08_TH	27	0	TH	Bùi Xuân Vinh	05/05-25/05/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ19
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ19
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207					DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh													1,2,3,4	A4.207			DHCQ 19
28	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_09_TH	24	0	TH	Võ VănĐức	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4.309												DHCQ 19
							Võ VănĐức					1,2,3,4	A4.309										DHCQ 19
							Võ VănĐức							1,2,3,4	A4.309								DHCQ 19
							Võ VănĐức									1,2,3,4	A4.309						DHCQ 19
							Võ VănĐức											1,2,3,4	A4.309				DHCQ 19
29	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_10_TH	24	0	TH	Võ VănĐức	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.309												DHCQ 19
							Võ VănĐức					1,2,3,4	A4.309										DHCQ 19
							Võ VănĐức							1,2,3,4	A4.309								DHCQ 19
							Võ VănĐức									1,2,3,4	A4.309						DHCQ 19
							Võ VănĐức											1,2,3,4	A4.309				DHCQ 19
30	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_11_TH	24	0	TH	Hà Huy Công	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4.108												DHCQ 19
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.108										DHCQ 19
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.108								DHCQ 19
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.108						DHCQ 19
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.108				DHCQ 19
31	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_12_TH	24	0	TH	Võ VănĐức	05/05-24/05/25	3	1,2,3,4	A4.309												DHCQ 19
							Võ VănĐức					1,2,3,4	A4.309										DHCQ 19
							Võ VănĐức							1,2,3,4	A4.309								DHCQ 19
							Võ VănĐức									1,2,3,4	A4.309						DHCQ 19
							Võ VănĐức											1,2,3,4	A4.309				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_13_TH	24	0	TH	Lê VănBiên	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.208												DHCQ19
							Lê VănBiên					6,7,8,9	A4.208										DHCQ19
							Lê VănBiên							6,7,8,9	A4.208								DHCQ19
							Lê VănBiên									6,7,8,9	A4.208						DHCQ19
							Lê VănBiên											6,7,8,9	A4.208				DHCQ19
33	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_14_TH	24	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4.306												DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông							6,7,8,9	A4.306								DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				DHCQ19
34	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_15_TH	24	0	TH	Lê VănBiên	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A4.208												DHCQ19
							Lê VănBiên					6,7,8,9	A4.208										DHCQ19
							Lê VănBiên							6,7,8,9	A4.208								DHCQ19
							Lê VănBiên									6,7,8,9	A4.208						DHCQ19
							Lê VănBiên											6,7,8,9	A4.208				DHCQ19
35	3DT201CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_16_TH	24	0	TH	Lê VănBiên	14/04-04/05/25	3	6,7,8,9	A4.208												DHCQ19
							Lê VănBiên					6,7,8,9	A4.208										DHCQ19
							Lê VănBiên							6,7,8,9	A4.208								DHCQ19
							Lê VănBiên									6,7,8,9	A4.208						DHCQ19
							Lê VănBiên											6,7,8,9	A4.208				DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông			6,7,8,9	A4.306												DHCQ19
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
36	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(224)_17_TH	24	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	05/05-25/05/25	3					6,7,8,9	A4.306								DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						DHCQ 19
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				DHCQ 19
37	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_01_TH	22	0	TH	Hà Huy Công	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A4.108												DHCQ 18
							Hà Huy Công					6,7,8,9	A4.108										DHCQ 18
							Hà Huy Công							6,7,8,9	A4.108								DHCQ 18
							Hà Huy Công									6,7,8,9	A4.108						DHCQ 18
							Hà Huy Công											6,7,8,9	A4.108				DHCQ 18
38	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_02_TH	22	0	TH	Hà Huy Công	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A4.108												DHCQ 18
							Hà Huy Công					6,7,8,9	A4.108										DHCQ 18
							Hà Huy Công							6,7,8,9	A4.108								DHCQ 18
							Hà Huy Công									6,7,8,9	A4.108						DHCQ 18
							Hà Huy Công											6,7,8,9	A4.108				DHCQ 18
39	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_03_TH	22	0	TH	Hà Huy Công	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A4.108												DHCQ 18
							Hà Huy Công					6,7,8,9	A4.108										DHCQ 18
							Hà Huy Công							6,7,8,9	A4.108								DHCQ 18
							Hà Huy Công									6,7,8,9	A4.108						DHCQ 18
							Hà Huy Công											6,7,8,9	A4.108				DHCQ 18
40	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_04_TH	22	0	TH	Hà Huy Công	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A4.108												DHCQ 18
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.108										DHCQ 18
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.108								DHCQ 18
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.108						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.108				DHCQ 18
41	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_05_TH	22	0	TH	Lê Hồng Lam	10/02-02/03/25	3	1,2,3,4	A4.209												DHCQ 18
							Lê Hồng Lam					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 18
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 18
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 18
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 18
42	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_06_TH	22	0	TH	Hà Huy Công	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.108												DHCQ 18
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.108										DHCQ 18
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.108								DHCQ 18
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.108						DHCQ 18
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.108				DHCQ 18
43	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(224)_07_TH	22	0	TH	Lê Hồng Lam	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A4.209												DHCQ 18
							Lê Hồng Lam					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 18
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 18
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 18
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 18
44	3DT202 CD	2	Lắp mạch điện tử tương tự(224)_01_TH	10	0	TH	Lê Hồng Lam	05/05-25/05/25	3	6,7,8,9	A4.209											DHKTMCK19A1	DHCQ 19
							Lê Hồng Lam					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 19
							Lê Hồng Lam							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 19
							Lê Hồng Lam									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 19
							Lê Hồng Lam											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 19
							Lê VănBiên			6,7,8,9	A4.208												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
45	3DT232 DH	2	Lập trình hệ thống nhúng(224)_01_TH	15	0	TH	Lê VănBiên	03/03-22/03/25	3			6,7,8,9	A4.208									DHKTMCK17 A1	DHCQ 17
							Lê VănBiên							6,7,8,9	A4.208								DHCQ 17
							Lê VănBiên									6,7,8,9	A4.208						DHCQ 17
							Lê VănBiên											6,7,8,9	A4.208				DHCQ 17
46	3DT233 DH	2	Lập trình nhúng ứng dụng(224)_01	15	0	LT	Bùi Xuân Vinh	24/03-12/04/25	3	11,12,13,14	A4.207											DHKTMCK16 A1	DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh					11,12,13,14	A4.207										DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh							11,12,13,14	A4.207								DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh									11,12,13,14	A4.207						DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh											11,12,13,14	A4.207				DHCQ 16
47	3DT240 DH	4	Lập trình ứng dụng điều khiển cho thiết bị di động(224)_01_TH/DHDTVCK16A1_2_20	25	0	TH	Lê TiếnHiếu	10/02-22/03/25	6	6,7,8,9	A4.308											Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16 A1	DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu					6,7,8,9	A4.308										DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu							6,7,8,9	A4.308								DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu									6,7,8,9	A4.308						DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu											6,7,8,9	A4.308				DHCQ 16
48	3DT206 CD	2	Lập trình vi điều khiển cơ bản(224)_01_TH	10	0	TH	Lê Hồng Lam	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A4.209											DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Lê Hồng Lam					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 18
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 18
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 18
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 18
49	3DT207 CD	2	Lập trình vi điều khiển ứng dụng(224)_01_TH	5	0	TH	Lê Hồng Lam	03/03-22/03/25	3	6,7,8,9	A4.209											DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Lê Hồng Lam					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 17
							Lê Hồng Lam							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Hồng Lam									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 17
							Lê Hồng Lam											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 17
50	4DT241 DH	2	Lập trình Web ứng dụng(224)_01_TH	15	0	TH	Lê TiếnHiếu	24/03-12/04/25	3	6,7,8,9	A4.308											DHKTMCK17 A1	DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu					6,7,8,9	A4.308										DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu							6,7,8,9	A4.308								DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu									6,7,8,9	A4.308						DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu											6,7,8,9	A4.308				DHCQ 17
51	4DT140 DH	2	Lý thuyết mạch hệ thống(224)_01	10	0	LT	Trần Thị Thương	10/02-25/05/25	15									1,2	A2.307 (TA)			DHKTMCK19 A1	DHCQ 19
52	4DT136 DH	3	Nhập môn ngành Kỹ thuật Máy tính(224)_01	10	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	10/02-25/05/25	15									3,4,5	A2.307 (TA)			DHKTMCK19 A1	DHCQ 19
53	4DT163 DH	3	Nhập môn ngành kỹ thuật Nhiệt(224)_01	28	0	LT	Nguyễn Đình Thư	10/02-25/05/25	15									3,4,5	A2.208 (TA)			DHKTNCK19A 1	DHCQ 19
54	3DT115 DH	3	Thông tin di động(224)_01	5	0	LT	Lê VănBiên	30/12-19/01/25	3									1,2,3	A2.207 (TA)			DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Lê VănBiên	10/02-04/05/25	12									1,2,3	A2.207 (TA)				DHCQ 17
55	3DT114 DH	2	Thông tin quang(224)_01	5	0	LT	Nguyễn Đăng Thông	30/12-19/01/25	3							1,2	A2.207 (TA)					DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông	10/02-04/05/25	12							1,2	A2.207 (TA)						DHCQ 17
56	3DT121 DH	2	Thông tin số(224)_01	5	0	LT	Trần Thị Thương	30/12-19/01/25	3			3,4	A2.207 (TA)									DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Trần Thị Thương	10/02-04/05/25	12			3,4	A2.207 (TA)										DHCQ 17
57	3DT119 DH	2	Thông tin vô tuyến(224)_01	5	0	LT	Nguyễn Đăng Thông	30/12-19/01/25	3							3,4	A2.207 (TA)					DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông	10/02-04/05/25	12							3,4	A2.207 (TA)						DHCQ 17
58	4DT238 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_1C3	5	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHKTMCK16 A1	DHCQ 16
59	4DT225 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_1C7	2	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHDTVCK16A 1	DHCQ 16
60	4DT137 DH	2	Truyền hình số(224)_01	5	0	LT	Lê Hồng Lam	30/12-19/01/25	3											3,4	A2.208 (TA)	DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
							Lê Hồng Lam	10/02-04/05/25	12											3,4	A2.208 (TA)		DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
61	4DT139 DH	2	Ứng dụng Internet of Things(224)_01	20	0	LT	Lê VănBiên	30/12-19/01/25	3					3,4	A2.207 (TA)							Ghép: DHDTVCK17A1 + DHKTMCK17A1	DHCQ 17
							Lê VănBiên	10/02-04/05/25	12					3,4	A2.207 (TA)								DHCQ 17
62	3DT218 CD	2	Vận hành mạng truyền dẫn(224)_01_TH/DHDTVCK16A1_2_20	20	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	24/03-12/04/25	3	6,7,8,9	A4.306											Ghép: DHDTVCK16A1 + DHDTVCK17A1	DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông							6,7,8,9	A4.306								DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				DHCQ 16
63	4DT186 DH	2	Vật liệu nhiệt lạnh(224)_01	28	0	LT	Hà Huy Công	10/02-25/05/25	15											3,4	A2.207 (TA)	DHKTNCK19A1	DHCQ 19
64	3DT106 DH	3	Vi điều khiển(224)_01	27	0	LT	Nguyễn Minh Quân	10/02-24/05/25	11											6,7	A2.102	Ghép: DHCDTCK18A1 + DHKTMCK18A1	DHCQ 18
65	3DT111 DH	2	Xử lý số tín hiệu(224)_01	60	0	LT	Trần Thị Thương	30/12-19/01/25	3			6,7	A2.103									DHTDHCK17A1	DHCQ 17
							Trần Thị Thương	10/02-04/05/25	12			6,7	A2.103										DHCQ 17
66	3DT111 DH	2	Xử lý số tín hiệu(224)_02	50	0	LT	Trần Thị Thương	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.103									DHTDHCK17A2	DHCQ 17
							Trần Thị Thương	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.103										DHCQ 17
67	3DT111 DH	2	Xử lý số tín hiệu(224)_03	50	0	LT	Trần Thị Thương	30/12-19/01/25	3							1,2	A2.105					DHTDHCK17A3	DHCQ 17
							Trần Thị Thương	10/02-04/05/25	12							1,2	A2.301						DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Công nghệ Thông tin

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4TN201DC	3	Tin học(224)_01	60	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	10/02-02/03/25	3			6,7,8	A2.409									CDDDTCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh									6,7	A2.409						CDCQ 50
2	4TN201DC	3	Tin học(224)_01_TH1	30	0	TH	Võ Thị Kim Hoa	03/03-25/05/25	12			6,7,8,9,10	A3.505									CDDDTCK50A1	CDCQ 50
3	4TN201DC	3	Tin học(224)_01_TH2	30	0	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	03/03-25/05/25	12							6,7,8,9,10	A3.505					CDDDTCK50A1	CDCQ 50
4	4TN201DC	3	Tin học(224)_02	60	0	LT	Phạm Thị Đào	10/02-02/03/25	3			1,2,3	A2.409									CDDCNCK50A1	CDCQ 50
							Phạm Thị Đào									1,2	A2.409						CDCQ 50
5	4TN201DC	3	Tin học(224)_02_TH1	30	0	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	03/03-25/05/25	12							1,2,3,4,5	A3.505					CDDCNCK50A1	CDCQ 50
6	4TN201DC	3	Tin học(224)_02_TH2	30	0	TH	Phạm Thị Đào	03/03-25/05/25	12			1,2,3,4,5	A3.505									CDDCNCK50A1	CDCQ 50
7	4TN201DC	3	Tin học(224)_03	45	0	LT	Phạm T.Thanh Bình	10/02-02/03/25	3					6,7,8	A2.410							CDOTOCK50A1	CDCQ 50
							Phạm T.Thanh Bình											6,7	A2.410				CDCQ 50
8	4TN201DC	3	Tin học(224)_03_TH1	20	0	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	03/03-25/05/25	12									6,7,8,9,10	A3.505			CDOTOCK50A1	CDCQ 50
9	4TN201DC	3	Tin học(224)_03_TH2	20	0	TH	Võ Thị Kim Hoa	03/03-25/05/25	12					6,7,8,9,10	A3.505							CDOTOCK50A1	CDCQ 50
10	4TN201DC	3	Tin học(224)_04	45	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	10/02-02/03/25	3					3,4,5	A2.401							CDOTOCK50A2	CDCQ 50
							Nguyễn Thị Phương Thủy											1,2	A2.401				CDCQ 50
11	4TN201DC	3	Tin học(224)_04_TH1	20	0	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	03/03-25/05/25	12									1,2,3,4,5	A3.505			CDOTOCK50A2	CDCQ 50
12	4TN201DC	3	Tin học(224)_04_TH2	20	0	TH	Nguyễn ThànhNghĩa	03/03-25/05/25	12					1,2,3,4,5	A3.505							CDOTOCK50A2	CDCQ 50
13	4TN201DC	3	Tin học(224)_05	54	0	LT	Lê Thị Linh	10/02-02/03/25	3	1,2,3	A2.404											CDCTMCK50A1	CDCQ 50
							Lê Thị Linh							1,2	A2.404								CDCQ 50
14	4TN201DC	3	Tin học(224)_05_TH1	25	0	TH	Lê Thị Linh	03/03-25/05/25	12	1,2,3,4,5	A3.504											CDCTMCK50A1	CDCQ 50
15	4TN201DC	3	Tin học(224)_05_TH2	25	0	TH	Lê Thị Linh	03/03-25/05/25	12					1,2,3,4,5	A3.504							CDCTMCK50A1	CDCQ 50
16	4TN201	3	Tin học(224)_06	42	0	LT	Trần Thị Gia	10/02-02/03/25	3					3,4,5	A2.411							CDHANCK50A	CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	DC	3	Tin học(224)_06	42	0	LT	Trần Thị Gia	10/02-02/03/25	3							3,4	A2.411					1	CDCQ 50
17	4TN201 DC	3	Tin học(224)_06_TH1	20	0	TH	Trần Thị Gia	03/03-25/05/25	12	1,2,3,4,5	A3.505											CDHANCK50A1	CDCQ 50
18	4TN201 DC	3	Tin học(224)_06_TH2	20	0	TH	Phạm T.Thanh Bình	03/03-25/05/25	12					1,2,3,4,5	A3.406							CDHANCK50A1	CDCQ 50
19	4TN201 DC	3	Tin học(224)_07	45	0	LT	Nguyễn Quốc Khánh	10/02-02/03/25	3					1,2,3	A2.311							CDKCKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Quốc Khánh											1,2	A2.402				CDCQ 50
20	4TN201 DC	3	Tin học(224)_07_TH1	22	0	TH	Trần Thị Gia	03/03-25/05/25	12									1,2,3,4,5	A3.406			CDKCKCK50A1	CDCQ 50
21	4TN201 DC	3	Tin học(224)_07_TH2	22	0	TH	Lê Thị Linh	03/03-25/05/25	12									1,2,3,4,5	A3.504			CDKCKCK50A1	CDCQ 50
22	4TN201 DC	3	Tin học(224)_08	20	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	10/02-02/03/25	3					6,7,8	A2.401							CDMDKCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh											6,7	A2.401				CDCQ 50
23	4TN201 DC	3	Tin học(224)_08_TH1	10	0	TH	Trần Thị Hằng	03/03-25/05/25	12					6,7,8,9,10	A3.504							CDMDKCK50A1	CDCQ 50
24	4TN201 DC	3	Tin học(224)_08_TH2	10	0	TH	Trần Thị Hằng	03/03-25/05/25	12									6,7,8,9,10	A3.504			CDMDKCK50A1	CDCQ 50
1	3TN102 CD	2	Bảo mật thông tin(224)_01	38	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	30/12-19/01/25	3			9,10	A3.301									DHCTTCK16A1	DHCQ 16
							Hồ Ngọc Vinh	10/02-04/05/25	12			9,10	A3.301										DHCQ 16
2	3TN102 CD	2	Bảo mật thông tin(224)_02	36	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	30/12-19/01/25	3							3,4	A3.301					DHCTTCK16A2	DHCQ 16
							Hồ Ngọc Vinh	10/02-04/05/25	12							3,4	A3.301						DHCQ 16
3	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(224)_01	36	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	23/12-19/01/25	4									8,9	A2.311			DHCTTCK18A2	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	10/02-27/04/25	11									8,9	A2.311				DHCQ 18
4	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(224)_02	51	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.310									Ghép: DHCTTCK18A1 + DHKTMCK17A1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.310										DHCQ 18
5	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(224)_01	54	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	10/02-25/05/25	15									1,2	A3.302			DHCTTCK19A1	DHCQ 19
6	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(224)_02	55	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	10/02-25/05/25	15											8,9	A3.302	DHCTTCK19A2	DHCQ 19
7	3TN102 DH	2	Cơ sở dữ liệu(224)_01	54	0	LT	Phạm Thị Đào	10/02-25/05/25	15											1,2	A2.102	DHCTTCK19A1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3TN102 DH	2	Cơ sở dữ liệu(224)_02	55	0	LT	Lê Thị Linh	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.309			DHCTTCK19A2	DHCQ 19
9	4TN106 DH	2	Cơ sở lập trình Web(224)_01	54	0	LT	Phạm T.Thanh Bình	10/02-25/05/25	15									3,4	A3.301			DHCTTCK19A1	DHCQ 19
10	4TN106 DH	2	Cơ sở lập trình Web(224)_02	55	0	LT	Phạm Thị Đào	10/02-25/05/25	15			8,9	A2.301									DHCTTCK19A2	DHCQ 19
11	4TN302 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng di động(224)_01_DA	59	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHCTTCK17A2	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
12	4TN302 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng di động(224)_02_DA	54	0	DA		30/12-19/01/25	3													DHCTTCK17A1	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
13	4TN209 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(224)_01_DA_1FA	41	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHCTTCK16A1	DHCQ 16
14	3TN212 DH	2	Học máy (Machine learning)(224)_01_TH	25	0	TH	Võ Thị Kim Hoa	24/03-13/04/25	3	1,2,3,4	A3.402											DHCTTCK16A1	DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa													1,2,3,4	A3.402		DHCQ 16
15	3TN212 DH	2	Học máy (Machine learning)(224)_02_TH	25	0	TH	Võ Thị Kim Hoa	30/12-18/01/25	3	6,7,8,9	A3.402											DHCTTCK16A2	DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa					6,7,8,9	A3.402										DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa							6,7,8,9	A3.402								DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa									6,7,8,9	A3.402						DHCQ 16
							Võ Thị Kim Hoa											6,7,8,9	A3.402				DHCQ 16
16	4TN003 CD	2	Java cơ bản(224)_01	54	0	LT	Võ Thị Kim Hoa	10/02-25/05/25	15					4,5	A2.102							DHCTTCK19A1	DHCQ 19
17	4TN003 CD	2	Java cơ bản(224)_02	55	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.309											DHCTTCK19A2	DHCQ 19
18	4TN119 DH	2	Kiểm thử phần mềm(224)_01	54	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.211							DHCTTCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Phương Thủy	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.211								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	4TN119 DH	2	Kiểm thử phần mềm(224)_02	59	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	30/12-19/01/25	3							8,9	A2.211					DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh	10/02-04/05/25	12							8,9	A2.211						DHCQ 17
20	4TN133 DH	3	Kỹ thuật ghép nối máy tính(224)_01	15	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	30/12-19/01/25	3							1,2,3	A3. 302					DHKTMCK17 A1	DHCQ 17
							Vũ Thị Thu Hiền	10/02-04/05/25	12							1,2,3	A3. 302						DHCQ 17
21	4TN115 DH	2	Kỹ thuật lập trình nhúng(224)_01	54	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	30/12-19/01/25	3									3,4	A3. 302			DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Vũ Thị Thu Hiền	10/02-04/05/25	12									3,4	A3. 302				DHCQ 17
22	4TN115 DH	2	Kỹ thuật lập trình nhúng(224)_02	59	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	30/12-19/01/25	3											6,7	A3. 302	DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Vũ Thị Thu Hiền	10/02-04/05/25	12											6,7	A3. 302		DHCQ 17
23	4TN111 DH	2	Lập trình di động(224)_01	36	0	LT	Trần Bình Giang	23/12-19/01/25	4					3,4	A2.310							DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Trần Bình Giang	10/02-27/04/25	11					3,4	A2.310								DHCQ 18
24	4TN111 DH	2	Lập trình di động(224)_02	36	0	LT	Trần Bình Giang	23/12-19/01/25	4			9,10	A2.311									DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Trần Bình Giang	10/02-27/04/25	11			9,10	A2.311										DHCQ 18
25	2TN010 DC	2	Mạng máy tính(224)_01_143	51	0	LT	Phạm Thị Đào	30/12-19/01/25	3									3,4	A2.310			Ghép: DHKTMCK17 A1 + DHCTTCK18A 1	DHCQ 17
							Phạm Thị Đào	10/02-04/05/25	12									3,4	A2.310				DHCQ 17
26	2TN010 DC	2	Mạng máy tính(224)_03	36	0	LT	Phạm Thị Đào	23/12-19/01/25	4	6,7	A2.311											DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Phạm Thị Đào	10/02-27/04/25	11	6,7	A2.311												DHCQ 18
27	3TN116 DH	2	Mẫu thiết kế cho phần mềm(224)_01	38	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.210					DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.210						DHCQ 16
28	3TN116 DH	2	Mẫu thiết kế cho phần mềm(224)_02	36	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.102									DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.102										DHCQ 16
29	2TN017 DH	2	Nhập môn trí tuệ nhân tạo(224)_01	38	0	LT	Trần Bình Giang	30/12-19/01/25	3			7,8	A2.311									DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
							Trần Bình Giang	10/02-04/05/25	12			7,8	A2.311										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	2TN017 DH	2	Nhập môn trí tuệ nhân tạo(224)_02	36	0	LT	Trần Bình Giang	30/12-19/01/25	3	2,3	A2.211											DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
							Trần Bình Giang	10/02-04/05/25	12	2,3	A2.211												DHCQ 16
31	3TN112 DH	3	Phát triển phần mềm mã nguồn mở(224)_01	15	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	30/12-19/01/25	3											6,7,8	A2.209	DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy	10/02-04/05/25	12											6,7,8	A2.209		DHCQ 16
32	4TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động 2(224)_01_TH	28	0	TH	Trần Bình Giang	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A3.306											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Trần Bình Giang							6,7,8,9	A3.306								DHCQ 17
							Trần Bình Giang									6,7,8,9	A3.306						DHCQ 17
							Trần Bình Giang											6,7,8,9	A3.306				DHCQ 17
							Trần Bình Giang													6,7,8,9	A3.306		DHCQ 17
33	4TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động 2(224)_02_TH	28	0	TH	Trần Bình Giang	03/03-23/03/25	3	6,7,8,9	A3.306											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Trần Bình Giang							6,7,8,9	A3.306								DHCQ 17
							Trần Bình Giang									6,7,8,9	A3.306						DHCQ 17
							Trần Bình Giang											6,7,8,9	A3.306				DHCQ 17
							Trần Bình Giang													6,7,8,9	A3.306		DHCQ 17
34	4TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động 2(224)_03_TH	30	0	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A3.306											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh					11,12,13,14	A3.306										DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh											1,2,3,4	A3.306				DHCQ 17
35	4TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động 2(224)_04_TH	30	0	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	10/02-01/03/25	3	1,2,3,4	A3.306											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh					11,12,13,14	A3.306										DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 17
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh											1,2,3,4	A3.306				DHCQ 17
36	4TN222 DH	2	Phát triển ứng dụng Web 2(224)_01_TH	36	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	30/12-19/01/25	3	6,7,8,9	A3.304											DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh					6,7,8,9	A3.304										DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh							6,7,8,9	A3.304								DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh									6,7,8,9	A3.304						DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh											6,7,8,9	A3.304				DHCQ 18
37	4TN222 DH	2	Phát triển ứng dụng Web 2(224)_02_TH	36	0	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	30/12-19/01/25	3	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Anh							6,7,8,9									DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3,4	A3.304								DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.304						DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Anh											1,2,3,4	A3.304				DHCQ 18
38	4TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows 1(224)_01_TH	36	0	TH	Phạm T.Thanh Bình	03/03-13/04/25	6	6,7,8,9	A3.304											DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình					6,7,8,9	A3.304										DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình							6,7,8,9	A3.304								DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình									6,7,8,9	A3.304						DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình											6,7,8,9	A3.304				DHCQ 18
39	4TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows 1(224)_02_TH	36	0	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	03/03-13/04/25	6	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy					1,2,3,4	A3.304										DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy							11,12,13,14	A3.304								DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy									1,2,3,4	A3.304						DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy											11,12,13,14	A3.304				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
40	4TN004 DH	2	Quản trị dự án(224)_01	36	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	23/12-19/01/25	4	1,2	A2.310											DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Hồ Ngọc Vinh	10/02-27/04/25	11	1,2	A2.310												DHCQ 18
41	4TN004 DH	2	Quản trị dự án(224)_02	36	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	23/12-19/01/25	4			7,8	A2.302									DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Hồ Ngọc Vinh	10/02-27/04/25	11			7,8	A2.302										DHCQ 18
42	4TN219 DH	2	Quản trị mạng(224)_01_TH	28	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	10/02-02/03/25	3	6,7,8,9	A3.404											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh					6,7,8,9	A3.404										DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh							6,7,8,9	A3.404								DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh									6,7,8,9	A3.404						DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh											6,7,8,9	A3.404				DHCQ 17
43	4TN219 DH	2	Quản trị mạng(224)_02_TH	28	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	24/03-13/04/25	3	6,7,8,9	A3.404											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh					6,7,8,9	A3.404										DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh							6,7,8,9	A3.404								DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh									6,7,8,9	A3.404						DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh											6,7,8,9	A3.404				DHCQ 17
44	4TN219 DH	2	Quản trị mạng(224)_03_TH	28	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	03/03-23/03/25	3	1,2,3,4	A3.404											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh									1,2,3,4	A3.404						DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh											1,2,3,4	A3.404				DHCQ 17
45	4TN219 DH	2	Quản trị mạng(224)_04_TH	28	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	14/04-04/05/25	3	1,2,3,4	A3.404											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Quốc Khánh									1,2,3,4	A3.404						DHCQ 17
							Nguyễn Quốc Khánh											1,2,3,4	A3.404				DHCQ 17
46	4TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(224)_01	54	0	LT	Lê Thị Linh	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.411					DHCTTCK19A1	DHCQ 19
47	4TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(224)_02	55	0	LT	Lê Thị Linh	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.309			DHCTTCK19A2	DHCQ 19
48	4TN210 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_154	27	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHCTTCK16A1	DHCQ 16
49	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224)_01	60	0	LT	Nguyễn ThànhNghĩa	10/02-25/05/25	15											1,2,3	A2.106	DHOTOCK19A1	DHCQ 19
50	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224)_02	60	0	LT	Lê Thị Linh	10/02-25/05/25	15							3,4,5	A2.107					DHOTOCK19A2	DHCQ 19
51	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224)_03	60	0	LT	Phan Việt Đức	10/02-25/05/25	15	3,4,5	A2.312											DHOTOCK19A3	DHCQ 19
52	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224)_04	60	0	LT	Trần Thị Gia	10/02-25/05/25	15											6,7,8	A2.106	DHOTOCK19A4	DHCQ 19
53	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224)_05	60	0	LT	Trần Thị Gia	10/02-25/05/25	15	8,9,10	A2.107											DHOTOCK19A5	DHCQ 19
54	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224)_06	60	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	10/02-25/05/25	15			8,9,10	A2.312									DHOTOCK19A6	DHCQ 19
55	3TN017 DH	2	Trí tuệ nhân tạo(224)_01	15	0	LT	Trần Bình Giang	30/12-19/01/25	3	4,5	A2.311											DHKTMCK17A1	DHCQ 17
							Trần Bình Giang	10/02-04/05/25	12	4,5	A2.311												DHCQ 17
56	4TN124 DH	2	Trí tuệ nhân tạo nâng cao(224)_01	54	0	LT	Trần Thị Gia	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.211									DHCTTCK17A1	DHCQ 17
							Trần Thị Gia	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.211										DHCQ 17
57	4TN124 DH	2	Trí tuệ nhân tạo nâng cao(224)_02	59	0	LT	Phạm Thị Đào	30/12-19/01/25	3									8,9	A2.211			DHCTTCK17A2	DHCQ 17
							Phạm Thị Đào	10/02-04/05/25	12									8,9	A2.211				DHCQ 17
58	3TN137 DH	2	Xử lý ảnh số(224)_01	15	0	LT	Võ Thị Kim Hoa	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.301							DHKTMCK17A1	DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.301								DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Kinh tế

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4KT322 DH	1	Bài tập lớn Kế toán tài chính 2(224)_01_BT	3	0	BT		30/12-19/01/25	3													DHKTOCK17A1	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
2	4KT319 DH	1	Bài tập lớn Thương mại điện tử(224)_01_BT	5	0	BT		30/12-19/01/25	3													DHQTKCK17A1	DHCQ 17
								10/02-04/05/25	12														DHCQ 17
3	3KT146 DH	2	Hành vi tổ chức(224)_01	47	0	LT	Nguyễn Thị Trâm	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.407 (TA)											Ghép: DHQTKCK19A1 + DHTMDCK19A1 + DHQTKCK17A1 + DHQTKCK18A1	DHCQ 19
4	3KT162 DH	3	Hệ thống thông tin kế toán(224)_01	2	0	LT	Nguyễn Thị Thơ	30/12-19/01/25	3					8,9,10	A3.506							DHKTOCK16A1	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Thơ	10/02-04/05/25	12					8,9,10	A3.506								DHCQ 16
5	3KT111 DH	3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa(224)_01	3	0	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/12-19/01/25	3	6,7,8	A3.506											DHKTOCK17A1	DHCQ 17
							Chu Thị Cẩm Hà	10/02-04/05/25	12	6,7,8	A3.506												DHCQ 17
6	4KT129 DH	2	Kế toán hành chính sự nghiệp(224)_01	3	0	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/12-19/01/25	3					6,7	A3.506							DHKTOCK17A1	DHCQ 17
							Chu Thị Cẩm Hà	10/02-04/05/25	12					6,7	A3.506								DHCQ 17
7	3KT113 DH	3	Kế toán quốc tế(224)_01	5	0	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/12-19/01/25	3							6,7,8	A3.506					Ghép: DHKTOCK16A1 + DHKTOCK17A1	DHCQ 16
							Chu Thị Cẩm Hà	10/02-04/05/25	12							6,7,8	A3.506						DHCQ 16
8	4KT116 DH	3	Kế toán tài chính 2(224)_01	3	0	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/12-19/01/25	3									6,7,8	A3.506			DHKTOCK17A1	DHCQ 17
							Chu Thị Cẩm Hà	10/02-04/05/25	12									6,7,8	A3.506				DHCQ 17
9	4KT327 CD	3	Kế toán thuế(224)_01	3	0	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/12-19/01/25	3			6,7,8	A3.506									DHKTOCK17A1	DHCQ 17
							Chu Thị Cẩm Hà	10/02-04/05/25	12			6,7,8	A3.506										DHCQ 17
10	4KT302	3	Khởi sự kinh doanh(224)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị Trâm	30/12-19/01/25	3	1,2,3	A2.407 (TA)											Ghép: DHQTKCK17A1 +	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	DH	3	Khởi sự kinh doanh(224)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị Trâm	10/02-04/05/25	12	1,2,3	A2.407 (TA)											1 + DHQTKCK16A1 +	DHCQ 17
11	3KT102 CD	2	Kinh tế vi mô(224)_01	31	0	LT	Nguyễn Thị MỹTrang	10/02-25/05/25	15			9,10	A2.209									Ghép: DHQTKCK19A1 + DHTMDCK19A1	DHCQ 19
12	3KT205 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(224)_01_DA	2	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHKTOCK16A1	DHCQ 16
13	3KT211 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(224)_01_DA_173	7	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHQTKCK16A1	DHCQ 16
14	3KT126 DH	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ(224)_01	16	0	LT	Nguyễn Thị MaiHương	30/12-19/01/25	3			3,4,5	A3.305									Ghép: DHQTKCK17A1 + DHQTKCK18A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị MaiHương	10/02-04/05/25	12			3,4,5	A3.305										DHCQ 17
15	3KT113 CD	3	Nguyên lý kế toán(224)_01	8	0	LT	Trần Minh Đức	10/02-25/05/25	15							8,9,10	A2.307 (TA)					DHTMDCK19A1	DHCQ 19
16	3KT130 CD	2	Nguyên lý thống kê(224)_01	3	0	LT	Nguyễn Thị Thơ	30/12-19/01/25	3									9,10	A2.207 (TA)			DHKTOCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thơ	10/02-04/05/25	12									9,10	A2.207 (TA)				DHCQ 17
17	4KT101 DH	3	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh(224)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	10/02-25/05/25	15	8,9,10	A2.204											DHQTKCK19A1	DHCQ 19
18	5KT172 DH	3	Nhập môn ngành thương mại điện tử(224)_01	8	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	10/02-25/05/25	15									6,7,8	A2.308 (TA)			DHTMDCK19A1	DHCQ 19
19	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(224)_01	60	0	LT	Phan Xuân Thạch	30/12-19/01/25	3	1,2	A2.108											DHOTOCK16A1	DHCQ 16
							Phan Xuân Thạch	10/02-04/05/25	12	1,2	A2.108												DHCQ 16
20	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(224)_02	45	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/12-19/01/25	3			8,9	A2.105									DHOTOCK16A2	DHCQ 16
							Nguyễn Thị KimOanh	10/02-04/05/25	12			8,9	A2.105										DHCQ 16
21	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(224)_03	45	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/12-19/01/25	3			6,7	A2.105									DHOTOCK16A3	DHCQ 16
							Nguyễn Thị KimOanh	10/02-04/05/25	12			6,7	A2.105										DHCQ 16
22	3KT108 CD	2	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh(224)_01	28	0	LT	Nguyễn Thị Thơ	10/02-24/05/25	12							8,9	A2.208 (TA)					Ghép: DHQTKCK17A1 + DHQTKCK19A1	DHCQ 17
23	4KT105	2	Quản trị chất lượng(224)_01	16	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/12-19/01/25	3	4,5	A2.208 (TA)											Ghép: DHQTKCK17A1 +	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	DH	2	Quản trị chất lượng(224)_01	16	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	10/02-04/05/25	12	4,5	A2.208 (TA)											1 + DHQTKCK18A1	DHCQ 17
24	4KT303 DH	2	Quản trị Marketing(224)_01	5	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/12-19/01/25	3							4,5	A3.305					DHQTKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị KimOanh	10/02-04/05/25	12							4,5	A3.305						DHCQ 17
25	4KT111 DH	3	Quản trị tài chính(224)_01	16	0	LT	Nguyễn Thị MỹTrang	30/12-19/01/25	3					3,4,5	A2.208 (TA)							Ghép: DHQTKCK17A1 + DHQTKCK18A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị MỹTrang	10/02-04/05/25	12					3,4,5	A2.208 (TA)								DHCQ 17
26	3KT117 CD	2	Tài chính doanh nghiệp(224)_01	3	0	LT	Nguyễn Thị MaiHương	30/12-19/01/25	3			9,10	A3.305									DHKTOCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị MaiHương	10/02-04/05/25	12			9,10	A3.305										DHCQ 17
27	3KT142 DH	3	Tâm lý và đạo đức kinh doanh(224)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị Trâm	30/12-19/01/25	3							1,2,3	A2.407 (TA)					Ghép: DHQTKCK16A1 + DHQTKCK17A1	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Trâm	10/02-04/05/25	12							1,2,3	A2.407 (TA)						DHCQ 16
28	3KT103 DH	2	Thị trường chứng khoán(224)_01	16	0	LT	Nguyễn Thị Hoa	30/12-19/01/25	3					1,2	A3.305							Ghép: DHQTKCK17A1 + DHQTKCK18A1	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Hoa	10/02-04/05/25	12					1,2	A3.305								DHCQ 17
29	3KT206 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(224)_01_DA_1CB	1	0	DA		30/12-04/05/25	18													DHKTOCK16A1	DHCQ 16

Đơn vị đảm nhận : Khoa Sư phạm

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3SP521 DC	2	Nhập môn lôgíc học(224)_01_19B	53	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/02-25/05/25	15									9,10	A2.209			Ghép: DHQTKCK19A1 + DHSPNCK19A1 + DHTMDCK19A1	DHCQ19
2	3SP106 DH	3	Nhập môn ngành Sư phạm công nghệ(224)_01	22	0	LT	Lê Trọng Phong	10/02-25/05/25	15							8,9,10	A2.209					DHSPNCK19A1	DHCQ19
3	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_01	36	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/12-19/01/25	3									6,7	A2.108			DHKCKCK17A1	DHCQ17
							Nguyễn Thị Thu Hiền	10/02-04/05/25	12									6,7	A2.108				DHCQ17
4	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_02	60	0	LT	Võ An Hải	10/02-25/05/25	15									1,2	A2.106			DHOTOCK19A1	DHCQ19
5	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_03	60	0	LT	Phan Cẩm Tú	10/02-25/05/25	15									3,4	A2.107			DHOTOCK19A2	DHCQ19
6	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_04	60	0	LT	Phan Thị Tâm	10/02-25/05/25	15					3,4	A2.312							DHOTOCK19A3	DHCQ19
7	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_05	60	0	LT	Võ An Hải	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.106											DHOTOCK19A4	DHCQ19
8	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_06	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/02-25/05/25	15					8,9	A2.209							DHOTOCK19A5	DHCQ19
9	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224)_07	60	0	LT	Phan Cẩm Tú	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.312			DHOTOCK19A6	DHCQ19
10	4SP005 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục(224)_01	22	0	LT	Phan Thị Tâm	10/02-25/05/25	15	9,10	A2.209											DHSPNCK19A1	DHCQ19
11	3SP107 DH	3	Tâm lý học đại cương(224)_01	22	0	LT	Cao Thị Thảo	10/02-25/05/25	15	6,7,8	A2.209											DHSPNCK19A1	DHCQ19

Đơn vị đảm nhận : Khoa Lý luận Chính trị

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3ML004 DC	2	Pháp luật(224)_01	50	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.204											CDOTOCK50A1	CDCQ 50
2	3ML004 DC	2	Pháp luật(224)_02	45	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15							3,4	A2.203					CDOTOCK50A2	CDCQ 50
3	3ML004 DC	2	Pháp luật(224)_03	30	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.402											CDMDKCK50A1	CDCQ 50
1	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224)_01	57	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	23/12-19/01/25	4			8,9	A2.212									DHDDTCK18A1	DHCQ 18
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-27/04/25	11			8,9	A2.212										DHCQ 18
2	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224)_02	40	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	23/12-19/01/25	4	1,2	A2.212											DHDDTCK18A2	DHCQ 18
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-27/04/25	11	1,2	A2.212												DHCQ 18
3	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224)_03	43	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	23/12-19/01/25	4							1,2	A2.309					DHDDTCK18A3	DHCQ 18
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-27/04/25	11							1,2	A2.309						DHCQ 18
4	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224)_04	60	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	23/12-19/01/25	4									3,4	A2.304			DHTDHCK18A1	DHCQ 18
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-27/04/25	11									3,4	A2.304				DHCQ 18
5	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224)_05	45	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	23/12-19/01/25	4							8,9	A2.309					DHTDHCK18A2	DHCQ 18
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-27/04/25	11							8,9	A2.309						DHCQ 18
6	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224)_06	45	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	23/12-19/01/25	4					6,7	A2.310							DHTDHCK18A3	DHCQ 18
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-27/04/25	11					6,7	A2.310								DHCQ 18
7	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_01	64	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15					8,9	A2.411							DHCTMCK19A2	DHCQ 19
8	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_02	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.107					DHCTMCK19A1	DHCQ 19
9	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_03	54	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	10/02-25/05/25	15											3,4	A2.102	DHCTTCK19A1	DHCQ 19
10	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_04	55	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15			6,7	A2.310									DHCTTCK19A2	DHCQ 19
11	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_05	66	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15							8,9	A2.204					DHKCKCK19A1	DHCQ 19
12	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_06	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15					3,4	A2.106							DHOTOCK19A1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_07	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	10/02-25/05/25	15											1,2	A2.107	DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
14	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_08	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15							3,4	A2.312					DHOTOCK19A 3	DHCQ 19
15	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_09	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15			8,9	A2.106									DHOTOCK19A 4	DHCQ 19
16	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_10	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	10/02-25/05/25	15					6,7	A2.211							DHOTOCK19A 5	DHCQ 19
17	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224)_11	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.312											DHOTOCK19A 6	DHCQ 19
18	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_01	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.311									DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.311										DHCQ 17
19	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_02	40	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	30/12-19/01/25	3					6,7	A2.304							DHDDTCK17(DCN)2	DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	10/02-04/05/25	12					6,7	A2.304								DHCQ 17
20	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_03	45	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	30/12-19/01/25	3									6,7	A2.210			DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	10/02-04/05/25	12									6,7	A2.210				DHCQ 17
21	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_04	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	30/12-19/01/25	3											8,9	A2.103	DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	10/02-04/05/25	12											8,9	A2.103		DHCQ 17
22	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_05	50	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	30/12-19/01/25	3			3,4	A2.103									DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	10/02-04/05/25	12			3,4	A2.103										DHCQ 17
23	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_06	50	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	30/12-19/01/25	3	3,4	A2.105											DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	10/02-04/05/25	12	3,4	A2.105												DHCQ 17
24	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(224)_07	42	0	LT	Nguyễn Thị Hoa	24/02-08/06/25	15					6,7	A2.311							DHCTMCK18A 1	DHCQ 18
25	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_01	55	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	24/02-08/06/25	15									6,7	A2.412			DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
26	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_02	55	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	24/02-08/06/25	15					6,7	A2.212							DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
27	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_03	55	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	24/02-08/06/25	15	6,7	A2.107											DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
28	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_04	60	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	24/02-08/06/25	15									1,2	A2.101			DHOTOCK18A 4	DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_05	60	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	24/02-08/06/25	15					1,2	A2.104							DHOTOCK18A5	DHCQ 18
30	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_06	47	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	23/12-19/01/25	4							4,5	A2.310					Ghép: DHQTKCK18A1 + DHCTTCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị AnhĐào	10/02-27/04/25	11							4,5	A2.310						DHCQ 18
31	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_07	59	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	10/02-25/05/25	15					8,9	A2.311							Ghép: DHCDTCK18A1 + DHCTMCK18A1	DHCQ 18
32	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_10	46	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	23/12-19/01/25	4	8,9	A2.311											Ghép: DHCTTCK18A2 + DHKTMCK18A1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị AnhĐào	10/02-27/04/25	11	8,9	A2.311												DHCQ 18
33	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224)_11	47	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	24/02-08/06/25	15									3,4	A2.203			DHKCKCK18A1	DHCQ 18
34	3ML003 DC	2	Lịch sử Việt Nam(224)_01	20	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	30/12-18/01/25	3											1,2	A2.203		DHCQ 18
							Nguyễn Thị AnhĐào	10/02-03/05/25	12											1,2	A2.203		DHCQ 18
35	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_01	57	0	LT	Đinh Nga Phượng	23/12-19/01/25	4					8,9	A2.212							DHDDTCK18A1	DHCQ 18
							Đinh Nga Phượng	10/02-27/04/25	11					8,9	A2.212								DHCQ 18
36	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_02	40	0	LT	Đinh Nga Phượng	23/12-19/01/25	4	3,4	A2.212											DHDDTCK18A2	DHCQ 18
							Đinh Nga Phượng	10/02-27/04/25	11	3,4	A2.212												DHCQ 18
37	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_03	43	0	LT	Đinh Nga Phượng	23/12-19/01/25	4									3,4	A2.301			DHDDTCK18A3	DHCQ 18
							Đinh Nga Phượng	10/02-27/04/25	11									3,4	A2.301				DHCQ 18
38	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_04	60	0	LT	Đinh Nga Phượng	23/12-19/01/25	4					1,2	A2.304							DHTDHCK18A1	DHCQ 18
							Đinh Nga Phượng	10/02-27/04/25	11					1,2	A2.304								DHCQ 18
39	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_05	45	0	LT	Đinh Nga Phượng	23/12-19/01/25	4			6,7	A2.301									DHTDHCK18A2	DHCQ 18
							Đinh Nga Phượng	10/02-27/04/25	11			6,7	A2.301										DHCQ 18
40	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_06	45	0	LT	Đinh Nga Phượng	23/12-19/01/25	4			8,9	A2.310									DHTDHCK18A3	DHCQ 18
							Đinh Nga Phượng	10/02-27/04/25	11			8,9	A2.310										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
41	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_07	65	0	LT	Đinh Nga Phượng	10/02-25/05/25	15									7,8	A2.402			Ghép: DHCTMCK18A1 + DHQTKCK19A1	DHCQ 18
42	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_08	57	0	LT	Đinh Nga Phượng	10/02-25/05/25	15			1,2	A2.101									Ghép: DHCDTCK19A1 + DHKTMCK19A1 + DHKTNCK19A1	DHCQ 19
43	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_09	66	0	LT	Đinh Nga Phượng	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.101											DHKCKCK19A1	DHCQ 19
44	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_13	68	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15					8,9	A2.312							Ghép: DHTMDCK19A1 + DHOTOCK19A6	DHCQ 19
45	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_14	60	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15									3,4	A2.106			DHOTOCK19A1	DHCQ 19
46	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_15	60	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15									1,2	A2.107			DHOTOCK19A2	DHCQ 19
47	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_16	60	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.312											DHOTOCK19A3	DHCQ 19
48	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_17	60	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.106			DHOTOCK19A4	DHCQ 19
49	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224)_18	60	0	LT	Lê Việt Hà	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.107			DHOTOCK19A5	DHCQ 19
50	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_01	66	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15							1,2,3	A2.104					DHDDTCK19A1	DHCQ 19
51	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_02	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15					6,7,8	A2.104							DHDDTCK19A2	DHCQ 19
52	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_03	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15	6,7,8	A2.203											DHDDTCK19A3	DHCQ 19
53	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_04	48	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15									6,7,8	A2.102			DHTDHCK19A1	DHCQ 19
54	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_05	48	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	10/02-25/05/25	15			8,9,10	A2.101									DHTDHCK19A2	DHCQ 19
55	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_06	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	10/02-25/05/25	15							3,4,5	A2.204					DHTDHCK19A3	DHCQ 19
56	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224)_07	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	10/02-25/05/25	15					1,2,3	A2.209							DHTDHCK19A4	DHCQ 19
57	2ML002	2	Tư tưởng Hồ Chí	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.108									DHOTOCK17A	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
57	DC	2	Minh(224)_01	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.108									1	DHCQ 17
58	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_02	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3	6,7	A2.108											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12	6,7	A2.108												DHCQ 17
59	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_03	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3			3,4	A2.102									DHDDTCK17(DCN)	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12			3,4	A2.102										DHCQ 17
60	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_04	43	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3					8,9	A2.304							Ghép: DHDDTCK17(DCN)2 + DHKTOCK17A 1	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12					8,9	A2.304								DHCQ 17
61	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_05	45	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3					6,7	A2.210							DHDDTCK17(DCN)3	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12					6,7	A2.210								DHCQ 17
62	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_06	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3			8,9	A2.103									DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12			8,9	A2.103										DHCQ 17
63	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_07	50	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.103							DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.103								DHCQ 17
64	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_08	50	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.105									DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
							Phạm Thị Bích Ngọc	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.105										DHCQ 17
65	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_10	54	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3									1,2	A2.211			DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12									1,2	A2.211				DHCQ 17
66	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224)_11	59	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3	8,9	A2.211											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12	8,9	A2.211												DHCQ 17
67	3ML002 DC	2	Văn hóa Việt Nam(224)_01	13	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	30/12-19/01/25	3											3,4	A2.203	DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
							Mai Thị Thanh Châu	10/02-04/05/25	12											3,4	A2.203		DHCQ 16

Đơn vị đảm nhận : Khoa Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_01	50	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	10/02-25/05/25	15			6,7,8	A2.309									CDOTOCK50A1	CDCQ 50
2	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_17	45	0	LT	Trần Khắc Hoàn	10/02-25/05/25	15			3,4,5	A2.210									CDOTOCK50A2	CDCQ 50
3	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_18	50	0	LT	Trần Khắc Hoàn	10/02-25/05/25	15							3,4,5	A2.304					CDCTMCK50A1	CDCQ 50
4	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_19	42	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	10/02-25/05/25	15									1,2,3	A2.302			CDHANCK50A1	CDCQ 50
5	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_20	50	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	10/02-25/05/25	15	1,2,3	A2.101											CDKCKCK50A1	CDCQ 50
6	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_08	50	0	LT	Trần Khắc Hoàn	10/02-25/05/25	15									6,7,8	A2.409			CDDDTCK50A1	CDCQ 50
7	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_09	60	0	LT	Hồ Thị Thanh Vân	10/02-25/05/25	15					1,2,3	A2.309							CDDCNCK50A1	CDCQ 50
8	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_10	30	0	LT	Trần Khắc Hoàn	10/02-25/05/25	15							6,7,8	A2.402					CDMDKCK50A1	CDCQ 50
1	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(224)_01	40	0	LT	Lê Minh Sao	30/12-19/01/25	3											3,4	A2.103	DHCTMCK16(CNC)	DHCQ 16
							Lê Minh Sao	10/02-04/05/25	12											3,4	A2.103		DHCQ 16
2	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(224)_02	40	0	LT	Lê Minh Sao	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.301					DHCTMK16(GCKM)	DHCQ 16
							Lê Minh Sao	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.301						DHCQ 16
3	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(224)_03	62	0	LT	Lê Minh Sao	30/12-19/01/25	3			6,7	A2.108									Ghép: DHKCKCK16A1 + DHKCKCK17A1	DHCQ 16
							Lê Minh Sao	10/02-04/05/25	12			6,7	A2.108										DHCQ 16
4	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(224)_04	60	0	LT	Lê Thị Thúy	30/12-19/01/25	3			1,2	A2.210									DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Lê Thị Thúy	10/02-04/05/25	12			1,2	A2.210										DHCQ 17
5	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_01	60	0	LT	Lê Minh Sao	30/12-19/01/25	3							1,2	A2.102					DHOTOCK16A1	DHCQ 16
							Lê Minh Sao	10/02-04/05/25	12							1,2	A2.102						DHCQ 16
6	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_02	45	0	LT	Lê Minh Sao	30/12-19/01/25	3							8,9	A2.105					DHOTOCK16A2	DHCQ 16
							Lê Minh Sao	10/02-04/05/25	12							8,9	A2.105						DHCQ 16
7	3NN008	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô	45	0	LT	Lê Thị Thúy	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.105					DHOTOCK16A	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
7	DC	2	tô(224)_03	45	0	LT	Lê Thị Thúy	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.105					3	DHCQ 16
8	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_04	55	0	LT	Lê Minh Sao	30/12-19/01/25	3											1,2	A2.105	DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
							Lê Minh Sao	10/02-04/05/25	12											1,2	A2.104		DHCQ 16
9	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_05	50	0	LT	Lê Thị Thúy	30/12-19/01/25	3									3,4	A2.103			DHOTOCK16A 5	DHCQ 16
							Lê Thị Thúy	10/02-04/05/25	12									3,4	A2.103				DHCQ 16
10	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_06	60	0	LT	Lê Thị Thúy	30/12-19/01/25	3					6,7	A2.209							DHOTOCK16A 6	DHCQ 16
							Lê Thị Thúy	10/02-04/05/25	12					6,7	A2.209								DHCQ 16
11	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_07	60	0	LT	Lê Thị Thúy	30/12-19/01/25	3							1,2	A2.108					DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Lê Thị Thúy	10/02-04/05/25	12							1,2	A2.108						DHCQ 17
12	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(224)_08	60	0	LT	Lê Thị Thúy	30/12-19/01/25	3			8,9	A2.108									DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Lê Thị Thúy	10/02-04/05/25	12			8,9	A2.108										DHCQ 17
13	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_02	57	0	LT	Đinh Thị Thu	10/02-25/05/25	15	1,2,3	A2.402											Ghép: DHCDTCK19A 1 + DHKTMCK19 A1 + DHKTNCK19A 1	DHCQ 19
14	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_03	54	0	LT	Đinh Thị Thu	10/02-25/05/25	15					1,2,3	A2.402							DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
15	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_04	55	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	10/02-25/05/25	15					6,7,8	A2.309							DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
16	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_05	66	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/02-25/05/25	15									1,2,3	A2.104			DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
17	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_06	60	0	LT	Đinh Thị Thu	10/02-25/05/25	15							6,7,8	A2.104					DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
18	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_07	60	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/02-25/05/25	15					6,7,8	A2.203							DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
19	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_08	48	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/02-25/05/25	15							6,7,8	A2.106					DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
20	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_09	48	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/02-25/05/25	15									6,7,8	A2.101			DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
21	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_10	60	0	LT	Đinh Thị Thu	10/02-25/05/25	15									1,2,3	A2.204			DHTDHCK19A 3	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_11	60	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/02-25/05/25	15							1,2,3	A2.101					DHTDHCK19A 4	DHCQ 19
23	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224)_14	53	0	LT	Đinh Thị Thu	10/02-25/05/25	15			6,7,8	A2.209									Ghép: DHQTKCK19A 1 + DHTMDCK19 A1 + DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
24	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_01	55	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	24/02-08/06/25	15	6,7,8	A2.412											DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
25	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_02	55	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	24/02-08/06/25	15									6,7,8	A2.411			DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
26	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_03	55	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	24/02-08/06/25	15			6,7,8	A2.402									DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
27	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_04	60	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	24/02-08/06/25	15	1,2,3	A2.412											DHOTOCK18A 4	DHCQ 18
28	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_05	60	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	24/02-08/06/25	15			1,2,3	A2.209									DHOTOCK18A 5	DHCQ 18
29	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_06	42	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	24/02-08/06/25	15							6,7,8	A2.107					DHCTMCK18A 1	DHCQ 18
30	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224)_07	47	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	24/02-08/06/25	15					1,2,3	A2.203							DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
31	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_01	57	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	23/12-19/01/25	4	6,7,8	A2.212											DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
							Đoàn Thị Bích Diễm	10/02-27/04/25	11	6,7,8	A2.212												DHCQ 18
32	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_02_1BF	51	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	23/12-19/01/25	4									1,2,3	A2.212			Ghép: DHDDTCK18A 2 + DHQTKCK18A 1	DHCQ 18
							Bùi Thị Xuân Linh	10/02-27/04/25	11									1,2,3	A2.212				DHCQ 18
33	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_03	43	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	23/12-19/01/25	4	1,2,3	A2.301											DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
							Đoàn Thị Bích Diễm	10/02-27/04/25	11	1,2,3	A2.301												DHCQ 18
34	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_04	60	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	23/12-19/01/25	4			1,2,3	A2.304									DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Phương	10/02-27/04/25	11			1,2,3	A2.304										DHCQ 18
35	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_05	45	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	23/12-19/01/25	4					6,7,8	A2.301							DHTDHCK18A 2	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Phương	10/02-27/04/25	11					6,7,8	A2.301								DHCQ 18
36	4NN009	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_06	45	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	23/12-19/01/25	4									6,7,8	A2.310			DHTDHCK18A	DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
36	DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_06	45	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	10/02-27/04/25	11									6,7,8	A2.310			3	DHCQ 18
37	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_08	63	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	10/02-24/05/25	11							6,7,8	A2.311					Ghép: DHCDTCK18A 1 + DHCTTCK18A 2 + DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
38	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224)_09	36	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	23/12-19/01/25	4							1,2,3	A2.310					DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Lan Phương	10/02-27/04/25	11							1,2,3	A2.310						DHCQ 18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Giáo dục Đại cương

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DC001 DC	3	Toán cao cấp(224)_01	50	0	LT	Lê Hồng Sơn	10/02-25/05/25	15					6,7,8	A2.101							CDDDTCK50A 1	CDCQ 50
2	3DC001 DC	3	Toán cao cấp(224)_02	60	0	LT	Lê Hồng Sơn	10/02-25/05/25	15									1,2,3	A2.411			CDDCNCK50A 1	CDCQ 50
1	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_01_145	64	0	LT	Phan Thị Hoa Nam	10/02-25/05/25	15							4,5	A2.211					Ghép: DHCTTCK17A 1 + DHKTMCK19 A1	DHCQ 17
2	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_02	59	0	LT	Bùi Thị Hằng	30/12-19/01/25	3							6,7	A2.211					DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Bùi Thị Hằng	10/02-04/05/25	12							6,7	A2.211						DHCQ 17
3	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_03	69	0	LT	Phan Thị Hoa Nam	10/02-25/05/25	15									1,2	A2.102			Ghép: DHCDTCK19A 1 + DHKTNCK19A 1 + DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
4	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_04	64	0	LT	Phan Thị Hoa Nam	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.212			DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
5	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_05	60	0	LT	Phan Thị Hoa Nam	10/02-25/05/25	15	3,4	A2.309											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
6	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_06	66	0	LT	Bùi Thị Hằng	10/02-25/05/25	15			1,2	A2.104									DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
7	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_07	60	0	LT	Bùi Thị Hằng	10/02-25/05/25	15	6,7	A2.104											DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
8	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_08	60	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.203			DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
9	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_09	66	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.204			DHKCKCK19A 1	DHCQ 19
10	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_13	60	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.106					DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
11	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_14	60	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15					3,4	A2.107							DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
12	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_15	60	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15					1,2	A2.312							DHOTOCK19A 3	DHCQ 19
13	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_16	60	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15					8,9	A2.106							DHOTOCK19A 4	DHCQ 19
14	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_17	60	0	LT	Nguy Thị XuânHợi	10/02-25/05/25	15											6,7	A2.107	DHOTOCK19A 5	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(224)_18	60	0	LT	Bùi Thị Hằng	10/02-25/05/25	15					6,7	A2.312							DHOTOCK19A 6	DHCQ 19
16	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_01	57	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	23/12-19/01/25	4							8,9	A2.212					DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-27/04/25	11							8,9	A2.212						DHCQ 18
17	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_02	40	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	23/12-19/01/25	4			3,4	A2.212									DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-27/04/25	11			3,4	A2.212										DHCQ 18
18	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_03	43	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	23/12-19/01/25	4					3,4	A2.301							DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-27/04/25	11					3,4	A2.301								DHCQ 18
19	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_04	60	0	LT	Trần Hải Yến	23/12-19/01/25	4	3,4	A2.304											DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
							Trần Hải Yến	10/02-27/04/25	11	3,4	A2.304												DHCQ 18
20	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_05_11A	62	0	LT	Trần Hải Yến	10/02-24/05/25	17			8,9	A2.203									Ghép: DHTDHCK18A 2 + DHCDTCK18A 1	DHCQ 18
21	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_06_19A	55	0	LT	Trần Hải Yến	23/12-19/01/25	4					8,9	A2.310							Ghép: DHTDHCK18A 3 + DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Trần Hải Yến	10/02-27/04/25	11					8,9	A2.310								DHCQ 18
22	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(224)_07	60	0	LT	Trần Hải Yến	30/12-19/01/25	3					1,2	A2.210							DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
							Trần Hải Yến	10/02-04/05/25	12					1,2	A2.210								DHCQ 17
23	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_01	57	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15											1,2	A2.101	Ghép: DHCDTCK19A 1 + DHKTMCK19 A1 + DHKTNCK19A 1	DHCQ 19
24	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_02	64	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15							8,9	A2.411					DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
25	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_03	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-25/05/25	15			1,2	A2.106									DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
26	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_04	54	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.309											DHCTTCK19A 1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_05	55	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.309											DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
28	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_06	66	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15							4,5	A2.104					DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
29	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_07	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15					9,10	A2.104							DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
30	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_08	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.203			DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
31	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_09	48	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-25/05/25	15											6,7	A2.210	DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
32	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_10	48	0	LT	Trần Hải Yến	10/02-25/05/25	15											8,9	A2.309	DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
33	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_11	60	0	LT	Trần Hải Yến	10/02-25/05/25	15							1,2	A2.204					DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
34	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_12	60	0	LT	Trần Hải Yến	10/02-25/05/25	15									4,5	A2.209			DHTDHCK19A 4	DHCQ 19
35	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_13	66	0	LT	Ngô ThịHuyền	10/02-25/05/25	15					6,7	A2.204							DHKCKCK19A 1	DHCQ 19
36	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_16	53	0	LT	Lê ThịHuệ	10/02-25/05/25	15							6,7	A2.209					Ghép: DHQTKCK19A	DHCQ 19
37	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_19	60	0	LT	Lê ThịHuệ	10/02-25/05/25	15	3,4	A2.106											DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
38	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_20	60	0	LT	Lê ThịHuệ	10/02-25/05/25	15											3,4	A2.107	DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
39	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_21	60	0	LT	Lê ThịHuệ	10/02-25/05/25	15											1,2	A2.312	DHOTOCK19A 3	DHCQ 19
40	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_22	60	0	LT	Lê ThịHuệ	10/02-25/05/25	15					6,7	A2.106							DHOTOCK19A 4	DHCQ 19
41	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_23	60	0	LT	Lê ThịHuệ	10/02-25/05/25	15			6,7	A2.107									DHOTOCK19A 5	DHCQ 19
42	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224)_24	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	10/02-25/05/25	15											8,9	A2.312	DHOTOCK19A 6	DHCQ 19
43	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(224)_01	66	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	10/02-25/05/25	15							6,7	A2.204					DHKCKCK19A 1	DHCQ 19
44	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(224)_02	60	0	LT	Hoàng Thị Thanh Vân	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.403											DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
45	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(224)_03	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	10/02-25/05/25	15									3,4	A2.102			DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
46	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(224)_04	54	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	10/02-25/05/25	15	3,4	A2.203											DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
47	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(224)_05	55	0	LT	Nguyễn Thị Tố Oanh	10/02-25/05/25	15					9,10	A2.309							DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
48	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_01	66	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	10/02-25/05/25	15			3,4	A2.104									DHDDTCK19A 1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
49	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_02	60	0	LT	Bùi Danh Hào	10/02-25/05/25	15	8,9	A2.104											DHDDTCK19A2	DHCQ 19
50	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_03	60	0	LT	Bùi Danh Hào	10/02-25/05/25	15							9,10	A2.203					DHDDTCK19A3	DHCQ 19
51	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_04	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	10/02-25/05/25	15	1,2	A2.106											DHOTOCK19A1	DHCQ 19
52	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_05	60	0	LT	Bùi Danh Hào	10/02-25/05/25	15	3,4	A2.107											DHOTOCK19A2	DHCQ 19
53	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_06	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	10/02-25/05/25	15									1,2	A2.312			DHOTOCK19A3	DHCQ 19
54	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_07	60	0	LT	Bùi Danh Hào	10/02-25/05/25	15			6,7	A2.106									DHOTOCK19A4	DHCQ 19
55	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_08	60	0	LT	Bùi Danh Hào	10/02-25/05/25	15									6,7	A2.107			DHOTOCK19A5	DHCQ 19
56	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224)_09	60	0	LT	Bùi Danh Hào	10/02-25/05/25	15									8,9	A2.312			DHOTOCK19A6	DHCQ 19
57	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(224)_01	54	0	LT	Lê Hồng Sơn	30/12-19/01/25	3					3,4	A2.212							DHCTTCK17A1	DHCQ 17
							Lê Hồng Sơn	10/02-04/05/25	12					3,4	A2.212								DHCQ 17
58	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(224)_02	59	0	LT	Lê Hồng Sơn	30/12-19/01/25	3	6,7	A2.211											DHCTTCK17A2	DHCQ 17
							Lê Hồng Sơn	10/02-04/05/25	12	6,7	A2.211												DHCQ 17
59	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(224)_03	36	0	LT	Lê Hồng Sơn	23/12-19/01/25	4	3,4	A2.310											DHCTTCK18A1	DHCQ 18
							Lê Hồng Sơn	10/02-27/04/25	11	3,4	A2.310												DHCQ 18
60	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(224)_04	36	0	LT	Lê Hồng Sơn	23/12-19/01/25	4									6,7	A2.311			DHCTTCK18A2	DHCQ 18
							Lê Hồng Sơn	10/02-27/04/25	11									6,7	A2.311				DHCQ 18
61	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(224)_05	66	0	LT	Ngô Tất Hoạt	10/02-25/05/25	15					8,9	A2.204							DHKCKCK19A1	DHCQ 19

Nghệ An, ngày 6 tháng 12 năm 2024

Người lập TKB

Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo

Phạm Văn Thông